

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

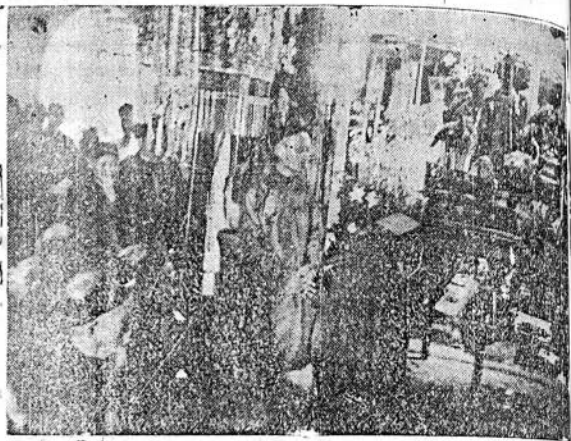
Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



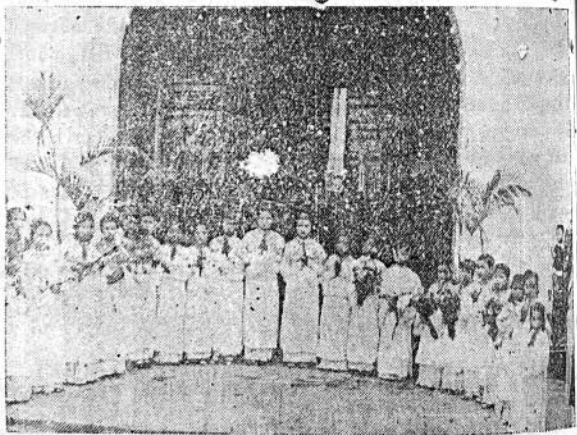
Chức-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chủ-nhị hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Ánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-sở
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07. 33



Ảnh chụp Cụ Lớn Võ-Hiến Hoàng Tướng Công đứng trước máy truyền thanh nói về phương-pháp chấn hưng Phật-giáo và việc dựng ngôi chùa Hội-quán Trung-xương.



Ảnh chụp bạn đồng-nữ sắp hàng trước khi lên làm lễ tại Tam-Bảo.

CÂU TRUYỆN ĐẠO PHẬT VỚI VIỆC LÀNG

(tiếp theo)



Khách nghe đến đây vừa tủm tỉm vừa nói : Tể-phẩm bây giờ đã đổi làm trai-nghi, thì những lệ biểu quan-tước và chức-dịch trong làng như vị thì ăn cái thủ, vị thì cái cánh, vị thì cái dò, vị thì cái năm và vị thì cái khẩu đười của con sinh. Nay cũng đổi làm trai phẩm có được không ?

Chủ : — Tôn ông nói có ý mỉa mai bọn ăn phần biểu của làng, trong một con sinh mà quan tước, chức dịch họ ăn biểu đến hết từ đầu đến đuôi. Thế ra làng mà làm quan-tước, chức-dịch cũng là một cái hại. Nay làng đã học Phật và thực-hành bình-đẳng thì xin giải-thoát hết sự biểu xen ấy đi, dù lễ trai gì hoặc một miếng dầu cũng không nên biểu ai. Vì biểu thì thành giai-cấp, chẳng giai-cấp về quyền lợi cũng giai-cấp về hư vinh. Mà đã giai-cấp là cái mối loạn, mối bất bình ở đó.

Khách : — Cờ-nhân đặt ra lệ biểu phần là để khuyến khích cho người làng là n nên danh phận với nước hay là làm công-đặc với làng. Nay bỏ đi lấy gì khuyến khích ?

Chủ : — Một con đường có thể đi ngã xuôi hay là đi ngã ngược cũng được. Lễ đời cũng như thế, nói thì tựa hồ như hay mà làm ra thì thực là giả. Cờ-nhân mà đặt lệ biểu ở làng thực là gọt quá. Vì cái lệ biểu muốn khuyến khích ấy nó đã làm cho con cháu cờ-nhân do ghen nhau mà tranh nhau, rồi thù nhau, làm hại nhau, rồi giết nhau. Ruột thịt lìa nhau, thân thích oán nhau, công nhiên kết thù chác hạn ở làng với nhau, cũng chỉ vì miếng thịt biểu. Tranh mà được lấy làm sĩ-diện với

thôn xóm, tranh mà thua tất sỉ nhục với bà con. Còn nên nếu không do con đường chính đề cầu lấy chức danh phận với nước mà tranh miếng thịt biểu diều trung thì người ta tìm con đường cong. Như là đi luôn lọt chỗ quyền thế, hoặc chỉ kẻ lương làm kẻ cường để lấy phẩm hàm, gặp lúc nhiều nươong thì đi theo giặc cướp, bắt phân chính là, miễn là nhờ được thế lực để tranh miếng thịt biểu ở làng mà thôi. Châu quara Ngự-xử ở xứ Đông ngày xưa đem cướp về giết chủ để tranh cái thủ trâu. Một nhà học thức đại gia và với tinh ruột thịt mà còn thế, nữa là người họ, người làng hèn nào họ chả giết nhau la liệt. Chắc Tôn óng cũng biết nhiều chuyện giết nhau ấy chứ gì. Chá những ngày xưa, chỉ những cụ học hủ lậu mà coi như một nhà tân học với mình nào bậy giờ mà cái thủ trâu kia nó còn làm cho cốt nhục thù nhau kia đấy. Ấy cái vạ miếng thịt biểu là thế, như thế có phải là cớ nhân giải lâm không. Nay lấy bình-tình mà nói thì ra sơ tâm cớ nhân định lấy miếng thịt biểu để khuyến khích người làng mà thành ra lấy miếng thịt biểu để làm cái mồi trọc tức người làng. Cho nên nhiều khi ngoài miếng thịt biểu ra chúng có quyền lợi gì khác dính theo mà họ cũng cứ tranh, cứ giết nhau bừa đi. Họ có ra đua ganh được cái gì ở nước, cũng chỉ là để kiếm thế-lực về làng tranh miếng thịt biểu ấy đó thôi.

Khách : — Miếng phần biểu dinh-trương tưởng là để khuyến khích mà thành để trọc tức thì nên bỏ. Nhưng lấy gì biệt đãi kẻ danh phận với nước, người công ơn với làng ?

Chủ : Vô luận kẻ có danh-phận hay kẻ thường dân, hễ có công với nước thì nước nhớ, có công với làng thì làng ơn. Nhớ với ơn nó ở chỗ danh tự chân thực chứ chỉ viện lấy cái danh bề ngoài, đối với nước vị tất đã có ích hay có hại, rồi về làng bắt làng phải đón rước, phải biểu sên, mà tuyệt không làm cho làng được một tí

công ơn gì thì có thực là cái vạ cho làng không. Cho đến những kẻ tự nhận là đàn anh, là chức dịch cũng thế, hằng đề xem có công đức gì thực không. Nếu kẻ nào quá có công đức với làng, lấy chức vụ, lấy tiền của, lấy học thức, lấy nghề nghiệp làm ích cho làng, thì đã có những lễ kỷ-niệm Lớn thì bia bảng thờ giỗ, nhỏ thì kính mền khen ngợi. Đời có quên công ai bao giờ, thấy mình, người ta quý trọng là đủ bảo bõ rồi, hà tất đòi lấy tí phần biểu cho công chúng mới là biết kính, cái kính ấy nhỏ hơn lắm. Bằng mượn thế lực để bắt làng kính biểu thì lại càng đáng khinh. Tôn ông thử xem những làng họ trưng phạt kẻ hào-cường áp chế sau khi thất thế bằng những lời mỉa mai đau đớn, thì biết cái phần biểu ép uống ấy không quý gì.

Khách : — Thế còn những nợ miệng như người ta làm cỗ ở đình, ở đám ma, đám lão cho mình ăn, nay thôi cả đi thì sao người ta nghe ?

Chủ : Thế những người làm cỗ cho làng ăn lúc ấy họ mời làng đến hay là làng tự đến xin ăn rồi khuất giả về sau ?

Khách : - Phải mời cả đầy chức.

Chủ : — Mời người ta đến để đãi người ta rồi đòi nợ gọi là nợ miệng thì phong tục còn gì bạc ác bằng. Và người kia nợ mình, mình bắt người kia làm giả thì con cháu mình chưa làm mà đi ăn tức là lại nợ lại. Cứ trôi buộc nhau mãi như thế mãi, oan kết biết đời nào giải xong. Không nói gặp khi túng bấn mà khó giả được cái nợ miệng ấy, dù mình và con cháu mình có một cái nguồn vàng không bao giờ cạn thì cũng chung thân chỉ chúi cổ vào cái nợ miệng hương-âm ấy mà không còn biết nước non, thế-giới là gì. Vậy xin theo đạo Phật giải thoát hết. Giải thoát cho người là giải thoát cho mình.

Khách : — Muốn cho quỹ làng có liên liêu thì dùng lệ, triết can những lệ như luân thứ gợn cỗ ở đình, lên lão,

đám ma, mỗi lệ là bao nhiêu tiền.

Chủ : — Lệ thu liền triết can cũng vẫn là đòi nợ. Như lệ lên lão, lệ đám ma mà thu tiền thì lại là cách đánh thuế người già, người chết nữa. Gặp cảnh người nhà nghèo sẽ bị nhục ở đó. Người làng, sống cùng ở với nhau, chết cùng trốn cho nhau, là nghĩa vụ phải làm. Thế mà lệ ma, đưa đám đòi ăn cỗ, nay muốn giảm thì đòi tiền, đó là cách trốn thuế mà lại giữ độc-quyền không cho người ta thuê kẻ ngoài làng. Cái tâm-lý người Việt-nam trong làng đối với nhau sao mà cay-nghiệt thế.

Khách : — Cái tâm-lý người các làng đối với nhau thì cay nghiệt thực, nhất là cái nợ miệng. Nhưng nó thâm sâu vào óc người ta rồi biết gạt làm sao. Hiện ở huyện tôi năm nợ nước lụt ngang giờ. Anh xã Giáp ở làng kia hẳn đã đóng góp sẵn rồi cho con ngồi vào thùng sẽ quây đi phượng khác kiếm ăn. Trước khi đi gần ngày rằm, anh xã Giáp lại đến bảo anh Nhiều Ất rằng rằm này phải rợn lễ gà xôi tuần đình cho anh ăn xong để anh quây con đưa vợ đi. Anh Ất khất vì lụt. Giáp đi không rợn sẽ sinh tử với nhau. Ất phải rờ nhà làm cũi bán lấy liền rợn lễ tuần ấy. Như thế Tiên-sinh bảo bỏ sao được.

Chủ : — Trước đây ta không biết đem đạo bình đẳng, từ-bi, giải-thoát của Phật mà giảng dạy cho nhau thì như thế đấy. Tôn-ông phải biết cái tục lệ tây óc oan nghiệt không gì bằng đạo bình đẳng, từ-bi, giải-thoát, báo ứng của Phật.

Khách : — Thế còn cái vị mệnh-bái tức là vị chủ tế ở đình thì nay nên thế nào? Vì ở làng vị ấy quan hệ lắm. Cho nên người có quan chức hay người có chức sắc nhất ở làng mới được giữ ngôi chủ tế.

Chủ : — Ngôi chủ-tế tức là ngôi ăn cái thủ trâu biếu. Ấy họ giết nhau để tranh nhau ở đó. Vì cổ nhân cho làm cái địa-vị ấy là chúa làng. Quyền nhất thống

trong làng nên họ thêm mà tranh nhau. Nay hương chính đã theo thể mới, hương-hội của làng cũng như chính-phủ của nước. Vị quốc-trưởng làm chủ cả chính-quyền và nghi-lễ của nước thì vị Chánh Hương-hội cũng làm chủ cả chính-trị và lễ-nghi của làng. Còn ở nước ở làng, ai dù địa-vị chức-quyền cao trọng đến đâu mà không làm chủ việc chính thì cũng không được làm chủ việc lễ.

Khách : — Chức Chánh Hương-hội đã quý thế thì rồi cũng lại tranh nhau, lại giết nhau như chức chủ tế xưa.

Chủ : Không, chức Thủ chỉ làm chủ tế ở làng ngày xưa là mẫu đại do thể lực cướp rất lấy cái tính cách sung hùng, sung bá nhất hó bách nặc, mọi việc chính tế đều quyền ở một tay. Cho nên người ta bị ưc mà đánh đờ, thêm mà tranh lấy. Nay chức Chánh Hương-hội là do công-cử có từng khóa. Việc làm do công ý Hội-dồng. Có đứng chủ lễ nghi cũng là việc bổn phận đương chức thì phải thừa đương đó thôi. Ngoài hội-dồng ra không có quyền xâm phạm được ai. Cũng như kẻ lên đồng « vị thánh » nào. « Thánh » đang ớp thì người ta kêu khẩn tôn trọng. « Thánh » thàng rồi thì kẻ ấy lại là người thường. Vậy sự chủ tế của Chánh Hương-hội ngày nay, không những không ai ghen ai thêm, mà có lẽ người ta còn cho là bận nữa. Và ngày nay gọi là chủ tế là lấy cái tên cũ, chứ nghi lễ thì nên theo lối mới mà bỏ cái lối hưng bại cổ kìa đi.

(còn nữa)

Quảng-tràng-Thiệt Cư sĩ

Sự tín ngưỡng ở đời Đường

Lịch sử chiều Đường tín ngưỡng Tam-bảo Phật pháp, ở Thế-gian, là có lợi ích khai hóa cho quốc dân, âm phù chính trị với Đế-vương, nên cổ kim các bậc hiền-

quần, phần nhiều tin ngưỡng Phật pháp, về họ tăng gia. Xem lịch-sử Phật-giáo, về những đời Thích-dương, các vua chúa phụng sự Phật, có lịch sử rõ ràng như sau này :

1) Vua Thái-tôn : đầu năm niên hiệu Trinh-quán, là năm vua Thái-tôn mới lên ngôi đã có chiếu-chỉ với các vị Hòa-thượng, vào cung hành đạo giảng kinh bảy ngày, để đều công đức cho muôn dân. Lại chiếu kêu ba nghìn người suốt gia tu hành, bao nhiêu cung điện cũ cho để ra làm chùa viện cố, rồi cử các vị cao-tăng thụ-tri, đến năm Trinh-quán thứ hai, lại hạ-chiều rằng : « Trăm sáng tạo nên cơ nghiệp là do ở chiến-chiến, sát phạt rất nhiều, quân quạn uổng tử không phải là ít, nay nên lập Đàn-trai siêu độ cho các uổng tử oan hôn, thoát khỏi mê đồ nghiệp báo ». Lại hạ chiếu rằng : « Bao nhiêu chùa ở các quận huyện, mỗi năm phải tụng kinh hành đạo bảy ngày, vào kỳ tiết Trung-nguyên, (rằm tháng bảy) để cầu âm dương lợi ích cho muôn dân ». Lại bỏ tiền kho mua đồng đúc tượng Phật Thích-ca, cao một trượng sáu thước, để phụng sự ở chùa An-thắng, và thỉnh một nghìn vị Tăng dẫn chúng trai, để cầu nguyện cho trung thần, nghĩa sĩ chân vong. Kế đến niên hiệu Trinh-quán thứ mười chín, ngài Huyền-trang pháp-sư thỉnh kinh ở Ấn-độ về, vua liền sai ông Phòng-huyền Liệt, chủ chương các việc đón rước kinh về chùa Hoàng-phúc, vừa tiến kinh lên trước Liền-đài, thì đám mây năm sắc hiện ra che phủ cả kinh cùng tượng Vua vì cảm thấy kinh Phật liệt dị như vậy, cử ngay ngài Đạo-tuyên Pháp-sư hiệp sức với ngài Huyền-trang, để diễn kinh luận chữ Phạn ra chữ Hán, rồi tự tay vua viết lấy bài tựa để đầu các kinh luận. Lại hạ chiếu, cho những chùa viện ở các quận-huyện gần để đó rằng : mỗi một chùa tạo lấy năm mươi người suốt gia, làm tăng ni học đạo tu hành » cộng cả số chư tăng ni trong thời kỳ trước ấy, được một nghìn vị. Vua cho lấy cung Tử-vi để

làm nơi công-viện truyền bá giáo lý. Mời ngài Huyền-trang pháp-sư chủ chương mọi việc, rồi hằng ngày vua cùng các bực đại đức giảng kinh đàm đạo, đề nghiên cứu giáo lý.

2.) Vua Cao-tôn : tiếp đến chiều vua Cao-tôn, ngài Huyền-trang pháp-sư, chuyển cho đại chúng đều đồng thanh niệm Phật Di-Lặc, một hồi lâu rồi hóa, lạ thay ! ngài Huyền-trang đã hóa rồi, mà lại còn bồng dạo báo-quang ở ngài soi lên đến ngôi sao Tinh về phương trời Tây-nam.

Vua Cao-tôn nghe tâu, cảm động thương khóc rất lấy làm thiết tha, bảo với tả hữu chiều thần rưng : « Nhân vật trong Phật pháp ngày nay, Huyền-trang là bực đệ nhất mà lại là một vị Quốc-bảo của trăm nhà, nay mất một vị Quốc-bảo, thì thương tiếc biết nhường nào ! ». Bèn chuyển lệnh nghỉ chiều ba ngày, cho lấy lễ Phật Thích-ca nhập Niết-bàn mà mai táng ngài Huyền-trang ở đất Nhai-thủy. Bốn phương dân chúng về hộ niệm ở đất đó, có tới một trăm muôn người. Đến năm thứ ba, lại hạ chiếu-chỉ cho quận Lạc-dương đúc tượng Tl-Lur và đục khám đá để thờ ở núi Long-sơn, mời ngài Vạn-hội Luật-sư vào cung cúng dâng.

3.) Vua Huyền-tôn : năm đầu sai làm điện thờ Phật Di-Lặc ở chùa Kiến-an-quốc, tiếp đến năm thứ hai mươi sáu, lại chiếu chỉ đúc tượng đồng, mở đàn giới, đề chuyển giới pháp cho chư vị Tăng ni.

4.) Vua Túc-tôn : tự tay vua Túc-tôn viết bốn chữ « Đại từ Âm tự » ban cho chùa Từ-ân, lại ban cho một nghìn mẫu ruộng, để quân phân vào chia mười viện, cử ngài Toàn-thuyền-sư, lập bản quý tắc riêng, để làm tài-liệu nội trị trong các viện ấy. Niên hiệu Cáo-nghiêu năm đầu, hạ chiếu mời ngài Bất-không pháp-sư vào nội điện lập giới đàn, truyền thụ giới pháp cho vua, cảm ứng đến ngài Nhạo-thuyết Bồ-tát phóng quang chứng

minh. Vua thụ-giới xong, lại sai sứ đi rước áo bát của đức Lục-tô, về cung phụng sự, lại chuyển chỉ cho chư vị tăng ni, được miễn lễ sùng thần; trong tờ chiếu chỉ đại ước nói rằng: « Bất sự vương hầu, thượng cao kỳ sự, thượng Phật tử, dĩ nhục vương pháp giả, khả hồ? 不事王侯,尚高其事,况佛子,以辱玉法也可乎? » hai câu « Bất sự vương hầu, thượng cao kỳ sự », là vua trích ở kinh Dịch quẻ càn hào cửu-nhị, nghĩa là người nho giả chẳng chịu lụy trước vương, trước hầu, chúng lấy khí tiết thanh cao, phương chỉ các Phật tử là dòng dõi đức Giác-hoàng, mà lại phải chịu nhục mình theo lễ vương thần vậy ư? thực lòng trầm không muốn thế!

5.) Vua Đại-tôn: đương triều có giặc Thô-phồn, vây phủ kinh sư rất nguy cấp; vua cùng Bá-quan thân hành đến các chùa dung hương, lại sai quan Nội-giám mở pháp tạng, đề rước kinh Hộ-quốc nhân-vương đến các chùa, rồi cử ngài Bất-không pháp sư, đặt một trăm pháp tọa, thỉnh chư vị Hòa-thượng pháp sư về giảng kinh, vua cũng lại thân hành đến dung hương lễ Phật, nghe pháp, Pháp-hội giảng kinh vừa xong, thì giặc Thô-phồn bị đánh tan; liền cử ngài Bất-không pháp sư phiên dịch lại kinh Hộ-quốc nhân-vương. Vua cũng tự tay viết lấy bài tựa đề đầu kinh. Lại hạ chiếu cấm chỉ trong nước, không ai được sỉ nhục tăng ni, và mời mười vị Hòa-thượng đại đức về chùa Đại-hưng-thiền, lập đàn giới và thỉnh một trăm vị vào tụng kinh hành đạo trong cung, liết đến rằm tháng bảy mở hội Vu-Lao bồn, Vua chiêm bao thấy một vị Phật Tích-chi, liền sai tô tượng đề phụng sự.

6.) Vua Tuyên-tôn: triều vua Tuyên-tôn, bao nhiêu những kỳ nhật Tiên-đế, là vua đi lễ hành-hương cầu nguyện ở các chùa, rồi sai ông Dương-Nghĩa làm Khâm-sứ, bắt lũ người Triệu-quy-Chân mười hai người Đại-sĩ về sử tử, và đầy nịnh thần, là người Lý-đức-Dụ ra chào

châu đến chết, tội này là do Tiên triều nghe các hãn bài báng Phật pháp mà hủy chùa. Ngay niên hiệu Thái-chang năm đầu, hạ chiếu cho các chùa, để chuyên phụ giáo pháp cho chư vị Tăng ni, và cấm không ai được đem rượu thịt vào các chùa ăn uống, cùng lệ sai tô điểm thân tượng tồ sư ở các chùa.

Sa-môn : Tô Liên

Thư cho bạn nữ cư-sĩ

PHƯƠNG-HƯƠNG NỮ GIÁO-SƯ
(Tập văn thư của Quảng tràng-thiệt Cư sĩ)

Kính thư Nữ cư-sĩ Phương-hương Nữ giáo sư
lạ-liên

Thưa Bà chị,

Đầu xuân, em kính mừng lời chúc Lệnh-quyển an-hảo, Bà chị đạo thể khang-cường, để giải diu cho đàn em bé nữ lưu mau mau tiến tới lên đường tri-đức. Sau là giúp đóp vào cho hội Phật giáo ở nơi Bà Chị đang giữ giáo chức đó chóng được phát đạt.

Từ khi Bà Chị dời ra Đông-thành đến giờ, trong này không những các em nữ học-sinh cùng bố mẹ các em ấy cảm nhớ giáo trạch của Bà Chị mà mến tiếc. Ma trong hội Phật-giáo Linh-sơn, thực thiếu hẳn mất một tay hoàng-đạo bên nữ-giới. Đọc lại những bài của Bà Chị đã diễn-giảng ở hội-quán Linh-sơn, ai nấy còn mừng-tượng như mưa hoa đang rải khắp quanh mình, đượm nhuần công đức.

Nhờ lợi-khi phá-độ quần sinh của đạo Phật, răn mình vào chỗ bình-dân thông-lục, để hơ-háo giải-phóng tri-luệ cho bạn nữ-lưu, Bà Chị thực là một ngọn cờ đầu

trong nữ cư-sĩ-giới ngày nay. Chẳng phải em quá khen
chắc Bà Chị cũng tự biết và tự an ủi.

Nay ở Phật hội Linh-sơn này, mấy bạn nữ cư-sĩ
chúng em và mấy bà tri-thức có cùng nhau đứng ra
cổ-động kêu gọi bỏ « vàng mã » để hưởng-ứng với mấy
nhà hoàng-pháp đang hô hào ở trung ương hội Phật.
Nhân đó em có lời trình đề Bà Chị biết mà cùng hưởng
ứng và cổ-động cho, cho thành-tựu được một việc trong
mọi ước nguyện linh mê giác ngộ cho quần chúng của
chúng ta.

Thưa Bà Chị, đạo Phật là đạo khai hóa quần-mê
mà đưa lên cõi giác. Cõi gi-ác tức là chỗ hiểu lẽ một
cách rất chân-chính, thiết thực với cuộc nhân sinh. Cho
nên đến như những thuật xem tướng xem số, Phật còn
cấm chỉ, răn lại ở trong kinh Di-giáo, nữa là cái việc
giả dối như đốt vàng mã, trong đạo Ngài còn làm gì có
nữa. Tục đốt vàng mã là tục hủ lậu của Tàu, do phải phải
thủy bày ra để thay cho cái ác-lực tuấn-táng đó mà thôi.
Tuấn-táng là vua chúa chết thì trốn theo người lin yêu
và đồ vật vàng ngọc. Sau người ta mở tri khôn ra, biết
thương người liếc của, bèn làm đồ mã thay vào. Tục đốt
vàng mã từ đây bèn thịnh. Nay đời văn minh, chẳng đợi
người tri thức mới biết sự đốt vàng mã là giả dối. Các
báo hó hào đã lâu mà dân chưa bỏ được là vì các nhà
văn sĩ không làm việc vẽ tống giáo nên lời nói thoảng
qua như nước đổ lá khoai. Vì tình tình dân ta hay
nhân tuấn cầu thả, việc gì biết rõ là giả dối nhưng
không có người đốc-thúc thì không bỏ. Việc gì biết hay
đấy nhưng không có người đôn đốc thì không làm. Nay
việc bỏ vàng mã, nếu những nhà hành đạo trong hội
Phật, sốl-sẵn vừa tự thực hành vừa thực-hành cho người
chắc chắn mấy lúc mà như gió lướt khắp mọi nơi.

Như nói nay bỏ vàng mã thì những gia-đình háng
mã sẽ bị thất-nghiệp. Vậy xin hỏi từ ngày nước ta theo
học thuật, kỹ-nghệ mới đến nay, bao nhiêu nghề cũ bị

bỏ, bao nhiêu nghề mới mở ra. Những người bỏ nghề cũ nào ai đã chết đói mà những người làm nghề mới thì trước kia có biết đâu.

Thế thì ở đời nên vì nghĩa lớn mà chớ ngại tình riêng. Phương chi cái nghề vô ý vị, có hại cho đời, người làm ra nó há không có tâm nào mà không biết chán không muốn tự bỏ.

Như nói tông giáo nước ta là sống ở phụ-nữ mà phụ nữ nước ta còn mê tin ham đốt vàng mã nhiều lắm. Nay chủ - trương bỏ vàng mã sẽ phật ý các bà mà hội Phật không thịnh. Nói thế thì ra khiêu khi bên phụ-nữ là âm - muội trấp - mê quá lắm du ! Vậy xin hỏi bộ nữ-trang nói thúng quai thao đẹp công vẽ hỏi vài chục năm trước đây có ai dám khuyến phụ-nữ ta vứt bỏ nó đi không ? Thế mà ngày nay, từ kẻ chợ đến nhà quê, đố ai còn tìm thấy bóng bộ nữ trang ấy trong nữ - oai. Thế thì biết rằng ở đời lẽ đã có người khai đạo thì việc gì cũng thay đổi ngay được, mà nữ giới chẳng kém gì nam giới.

Em lại xin dẫn đề Bà Huệ biết việc bỏ vàng mã không phải mới ở cái đời chúng ta tự-phụ là văn-minh này mới biết. Chính trước đây hơn một trăm rưỡi năm, ở nước ta có nưã đã thiê hành rồi, đến nay con cháu nhà ấy vẫn giữ được lời lẽ - thuần. Từ là nhà cụ Quận công Trần Cảnh ở đời Hậu Lê ở làng Rồng huyện Chí - linh, nay thuộc Nam sách. Cụ rợ con cháu không được đời vàng mã, không được mời thầy phù-thủy « đứng đầu cho người chết ». Lời ấy chép vào gia phả. Con cháu đời đời tuân theo. Nay con cháu cụ sinh sản cực đông ở tản nhiều làng vùng ấy và đời nào cũng học hành hào-trưởng cả. Ông Trần-Đĩnh một vị nho sĩ, khi ở quê nhà binh giúp vua Triều-thống chép lịch-sử tức là cháu bốn đời cụ Trần-Cảnh. Như thế nhà họ Trần phỏng đã can gì.

Chúng ta ứng với thời - tiết mà ra làm việc Phật, có phải là chỉ đi khuyến người lẽ bái cho khỏe hơn xưa

dâu. Chính là chẳng ta muốn hiện nữ từ thân em đợc
chính giác bề-dẽ mà hấu độ của nưi trong nữ giới, cả
quốc-dân tróng lên con đường khai hóa.

Mấy lời giản lược. Bà chị chữaq minh và hiền đượ
liên với chúa em thực sanh ra khắp miền Nam hoi

Nhà giáo-dục trong học đường kiêm làm nhà giáo-dục
ngoài xã hội. chị tiên giác của nữ quốc dân, nữ Bô sát c
đạo Phật sau này, em xin chúc cho Bà chị.

Nay kính

Bạn gái **Tuệ-quang** nữ cư

*Khảo về lược sử Phật hóa
nước Anh*

MỞ ĐẦU

Lâu nay văn hóa Âu-châu bao la thế-giới, mà xét
cái căn nguyên, cũng đều bởi nước Anh mở ma
ra trước, ông Cương bản-dâm-phụ (nhà sử học chủ da
Nhật-hản) đã từng nhận rõ ra thế Vậy mới biết Ang
terre, số dĩ làm choèn 3 bãi bể, mà hay vùng
khắp 5 châu, gây nên phong cảnh ngày nay; như g
như vóe, như hoa như ngọc này, chính không p
chuyên cây vủ-công, mà thực bởi lưu tâm văn-hóa
Vậy đưa cái tài srong bá Âu-châu, thị hùng thế g
kia ma hấp thụ lấy cái văn-hóa nưng dựng giới đ
rực rỡ xưa nay, tức giáo pháp của Phật-dá ta này, do
Anh cũng lại làm srong đạo cho người Âu hướng-t
nữa, là bởi Anh có cai trị Ấn-độ, (Inde) phái quac
sang ở miền Ấn-độ, vì như đượ vào trong cái t
lắm cảnh chi lan, hoa thơm thảo tự nhiên ngấm ng
lại như câu « gần đèn thì rạng », vậy người Anh k
đượm mẫu thuyẽn. mới hay sưu tập kinh văn; đã

khắp bắc, nam Ấn-độ gồm thu đại, tiểu nhị thừa, lại
 hoặc sang Tây tạng (Tibet) hoặc tới Trung-hoa (Chine)
 và hoặc sưu tầm Trung, tây châu Á, vô luân hoặc
 tịnh, hoặc mua, lại còn sưu tập kỳ khôi, hoặc lấy ở
 chốn không, hoặc đào ở dưới đất, những các lối văn tự :
 như chữ cổ-phạn, chữ ba-lí, chữ hán, chữ phồn cho
 đến cả chữ hời-bột và chữ khư-lư, bao nhiêu các tạng
 Phật kinh là tinh hoa châu Á, đều thu về cả chốn thủ-
 phủ Anh, hiện nay nào đoàn-thể, nào cá-nhân, ngoài sự
 duy giới ra, lại càng phiên dịch tuyên truyền, lan bố
 ra khắp cả toàn Âu. Vậy xem lược sử như sau, thì đủ
 biết tương-lai mua Pháp dồi dào, dăm miền Âu thổ,
 nay đã hiện mây từ ngàn ngụi, đương dần dần ở
 ngoài quăng bề Mancho và Nord kia, chắc mai sau Phật-
 hóa-đại-dồng, thì sự tín ngưỡng đến nguồn tâm, mà
 phải nghiên tinh cùng bề giác, tín-đồ vạn quốc, tất
 phải quay đầu về cả nước Đại-Anh vậy. Vì cơ sao ?
 Vì chính cái thân : danh, cú và văn của Phật-giáo ta đã
 lâu nay tán mạn linh tinh, mỗi nơi một mảnh, tức như
 Trung-hoa, Tây-tạng và Tích-lan, tuy sung là 3 xứ trung-
 tâm về sự tín-ngưỡng và khảo-cứu, nhưng toàn dùng
 những lối dịch-văn, ví như cái ảnh-tương của chân-
 thân ấy, mà Trung-hoa chỉ giữ được phần đầu, Tây-tạng
 chỉ giữ được phần tây, và Tích-lan chỉ giữ được phần
 thân thôi. Còn chính những kinh-diễn phạn-văn, là chân-
 diện-mục của cái thân : danh, cú và văn ấy, gần đây
 mới thấy ở nước Népal, là bởi người Anh thủ sớ
 hồ hao, đã công sưu tập, lại hợp cả những bí-tạng ở
 Tây-ực nữa, hiện nay đều đủ mặt ở Luân-đôn
 (Londres) vậy biết tương-lai cái chân-thân danh cú và
 văn của Phật-giáo ta, sẽ niện toàn thân to cao như những
 ông Hộ-pháp nghiên n nhiên ngồi ở đảo Ái-nhĩ lan (Londres)
 đề cho Phật-tử 10 phương quy đầu chiêm ngưỡng vậy.
 Xem khi Phật nhập nát-bàn, ngài đã ngưỡng mặt ma
 ghi rồi đấy, Chư tôn độc-giả nên xem mấy đoạn sau này :

1. Kinh điển chữ Ba-lị

Lối tạng kinh điển này nước Anh sưu tập được ở đảo Tích-lan (Ceylan). Tích-lan là một hải-đảo to nhất ở Đông-nam Ấn-độ, làm một xứ trung-tâm của các xứ Á-nam-tía nư-ơng, như Birmanie, (Diễn-diện) Siam, (Xiêm-la) Cambodge, (Cao-man) và Ai-lao (Lào) v. v. kinh điển toàn dùng bằng chữ Ba-lị, thuộc về Tiểu-thừa, gọi gâng dễ hiểu; người Anh do có hiểu lời kinh điển này, rồi mới tiến dần vào bề giác đại-thừa, mà sưu tập được những kinh tạng khác, nên phải nói ngay ra trước, vì sao mà kinh Phật của Tích-lan dùng toàn chữ Ba-lị, vì chữ ấy là dấu hiệu tiếng nói cổ của nước Hạ kiết-đá, sau có chằm trước với các thổ-âm khắp miền Ấn-độ, nên thứ tiếng ấy thông dụng ở Ấn-độ, cũng ví như Quan-hoại ở Trung-hoa (tiếng bán văn của Tàu), chắc từ đời vua A-đục thống lĩnh toàn cảnh, đã dùng chữ ấy phổ thông cả các xứ. Ông con bé ngài là thủy-tử truyền-giáo cho Tích-an, kinh giáo tất đã phiên dịch ra chữ ấy, thì mới phổ cập được, sau rồi dần dần lựa chọn, toàn những kinh điển tiểu-thừa, phiên dịch và tập dần mới được toàn cả tam-tạng, mà lưu hành các xứ thuộc phái Bắc-tông, (các nước đã kể trên) đều theo một lối có thói cách thuộc về một tông-giáo riêng, khác với Bắc-tông, rồi họ xuyên tạc đặt ra những thuyết để bình vực những giáo-pháp của họ là đúng hơn Bắc-tông nhiều lắm, lấy lược kể ra 2 điều sau này :

1) Họ tự xưng rằng : khi xưa đức Thích-ca giảng sinh ở một ngọn núi to nhất trong đảo Tích-lan ấy, hiện nay vẫn còn có vết chân của ngài ghi ở ngọn núi ấy.

2) Họ lại tự xưng rằng : khi xưa đức Thích-ca thuyết pháp bằng tiếng Ba-lị, giáo-đồ cứ ký ức truyền khẩu mãi, sau khi diệt độ hơn 500 năm, vua Vô-úy (một ông thành-quân ở đảo Tích-lan) mới hợp các tăng-già truyền chép ra thành kinh điển bằng chữ Ba-lị.

Cứ 2 điều ở trên đó thực là xuyên tạc, mà chái vãi sự thực nhiều lắm, tôi không phải biện bạch làm chi

nữa, nay xin nói đến bên nước Anh sở dĩ lấy được kinh-điền ba-lị sau này :

Từ năm Phật-lịch 2823 (Tây-lịch 1796) nước Anh lĩnh quyền cai trị Tích-lan, dùng ngay chính sách tùy dụng tông-giáo, (vì Tích-lan vừa chỗi qua một thời kỳ bị Bồ-đào-nha và Hà-lan làm tàn hại) cai trị sạch ấy, nguyên ý nhà chính-trị Anh thì chỉ cốt cho dân « Trà » vui phúc, mà cái thực hiệu lại là làm cho các quan-liên sang đó, đều biểu đồng tình về Phật-giáo, đa tâm nghiên cứu, thấu thái đưa về, tuyên truyền công bình, làm người tài cao đức rộng, đối với Phật-giáo có lợi-công-lao. lược kể sau này :

Ông Ước-hãn-ty-đôn sang làm nghị-trưởng ở Tích-lan, bắt đầu ông dịch bộ sách « Lịch-sử-thần thánh Tích-lan » đúng năm Phật lịch 2860 (1833 Tây lịch) gửi về Luân-đôn, tiến trình Anh-hoàng, đến năm 2864 (1837) ông Đan-nam nhuận chính lại, rất là tinh tường, vì đó cái diệu mục Phật-giáo của Tích-lan đã bắt đầu tỏ rạng ở Âu-châu vậy.

Ông Đại-vực nhân sang làm việc tòa án ở Tích-lan, ông phải xét một cái án thuộc về tài sản một ngôi chùa, người đương-sự có đệ một quyền bồi-diệp đề tòa xét chứng cứ, ông đồng ý với người đương-sự, đưa về khảo cứ, ông liền hiểu thấu đạo mâu, vui mừng nhảy nhót, nói truyện với người ta rằng : « Tôi nhờ có quyền sách bằng chữ ba-lị này, mà hiểu thấu-được giáo-lý của Phật, so với tư tưởng cao sâu của Bà-lạp đồ, lại là cao thâm gấp mấy, tư tưởng của Âu-châu mà muốn tiến cao lên nữa, thì phải dùng đến tư tưởng của Phật-giáo mới hay ». Có người chế ông là mê tín, ông đỏ mặt trả lời rằng : « những kinh điển của các giáo khác, tôi đã xem chẵn cả rồi, chưa thấy giáo nào cao thâm được như Phật giáo, tôi quy y Phật, cho được yên thân, lòng tôi rất thỏa, tùy bác gọi tôi, là ngu là mã, thế nào cũng hả ». Sau ông ra công chước thuật,

nói về Phật giáo rất nhiều, nhất là ông dịch được bộ kinh A-hàm ra chữ Anh, vì đó mà cốt tử cao thâm của phái Nam tông mới hiện chân thân sáng miên Âu thổ.

Ông Đại-vệ sang ở Tích-lan cũng làm việc tòa án. Khoảng hơn 10 năm, ông chỉ lưu tâm khảo về Phật-điển, năm 2903 (1876) ông về nước Anh, chuyên giảng Phật-giáo ở thành Luân-đôn, rồi ông lập ra hội « Ba-ly-thành-diễn » và xuất bản một tờ báo, phàm những vấn đề hương báo cáo về Phật giáo ở hoàn cầu, thu nhật đăng cả, hơn 30 năm, ông lo toan xuất bản « tam-tạng ba-ly » mà không đủ tiền. Sau vua nước Siam nghe tin gửi tiền giúp đỡ, các quan nước Siam cũng quyền tiền gửi sang cứu, thì chỉ ông mới thành, vì thế mà 3 tạng liền thừa, mới hiện toàn thân ở miền Âu-thổ vậy. Sau ông đi diễn giảng nhiều nơi, cũng được lắm người hướng hóa, ông lại được một bà nội trợ rất là phúc đức quý hóa nữa, tên bà là Già-la-lâu, bà vẫn cùng ông chuyên dịch được nhiều kinh, như khi ông dịch kinh « Cồ-câu-bi-la » và bộ « Trường-lão cập Trường-lão-ni », thì bà dịch luận « Pháp-tự » và làm một quyển luận về Phật-giáo, bà lại giúp ông mở trường Phật học nữa, những bậc thanh niên khinh tú đến học, bao giờ cũng chặt trường, như cô Hà đức và Lê-đại-đều nên anh tài kiệt xuất ở Âu-châu gần nay, cũng bởi môn Phật-học của hai ông bà đào tạo nên vậy.

Cụ Nan-đa-di-lặc, tên tục là Ben-net (C. b. Athan Bennet). Cụ nhân sang dạy học chữ Anh ở một trường Phật học Diển-diện, được 4 năm, cụ được nghe Phật-giáo, liền nhiều thấu rằng: tất cả các tông-giáo và học-thuật ở thế gian, chẳng giáo nào được cứu cánh viên mãn bằng Phật-giáo, cụ liền xuất gia và thụ giới cụ-túc ở một ngôi chùa Diển-diện, pháp danh là Nan-đa-di-lặc, đến năm 2935 (1900) cụ về nước Anh được nhiều bạn giúp, lập hội Phật-giáo ở Luân-đôn, cụ chủ trương việc hội, siêng-hóa Phật-thật được 16 năm, quy hóa nhiều lắm, đến năm 2920 (1895) thì cụ viên tịch, hội viên hoán tá, bạn cụ đã đứng chầu

hưng, nhưng hội vẫn khảng khái, cả bao giờ được
 thành bằng khi xưa, đến năm 2952 (1925) có cụ Pháp-hộ,
 đương là một nhân-vật chủ động chùa hưng Phật-giáo ở
 Tích-lan, nghe tin hội Phật-giáo ở nước nhà không được
 thành hành như trước, cụ liền về nước chiêu tập hội
 viên, tổ chức lại cuộc chùa hưng cái tên là hội « Đại-hồ-
 đề-Phật học », tại một ngôi nhà ở ngoài châu thành Luân-
 đôn làm hội quán, mỗi tuần lễ, một lần làm việc pháp,
 sau chủ được 5000 Kim-bang, tại được ngôi nhà to N.
 41 Gloucester Road ở trong thành, để làm nơi hội quán.
 Năm 2953 (1928) có 3 vị tăng Tích-lan sang chủ-trì công việc
 hội ấy, mỗi tuần lễ có một kỳ diễn giảng và một khóa
 tụng bằng chữ ba-ly và chữ Anh, vị thân-vương nước Si-
 am sang làm công-sứ-chủ-anh, cũng dự làm hội viên vĩnh-
 viễn của hội ấy, và vẫn thường khen ngợi, công cuộc của
 các sư ấy. Đến năm cụ Thái-hư (Tàu) sang nước Anh, gặp
 ngày làm lễ khánh đản, cụ tới dự lễ, cụ cũng vào làm hội
 viên vĩnh viễn.

Ông Ban-ngô, ông này là lương đồng của hội Phật-
 giáo nước Anh, từ khi cụ Nan-đa xưng lập, ông hết sức
 cố động cho được thành hội, nhưng khi cụ đi vắng, ông
 đứng thay quyền chủ nhiệm, đến khi cụ Pháp-hộ tổ chức
 chấn hưng, ông lại ra công giúp cuộc tiền hành; ông
 nhiệt thành về phe nghiên cứu, giúp hội tuyên truyền khắp
 ra các xứ, rất là mau lẹ, và lại suốt bản tạp chí
 nguyệt-san, đặt tên là Giáo-đồ nhà-Phật (British Buddhist)
 năm 2954 (1927) ông đương làm hội-trưởng, lập ra một
 ban đặt tên là Lưu-anh-Phật-giáo-đồ-học-sinh khi mới lập
 đã được ngay 180 hội viên, xem thế thì ông Ban-ngô
 chính thực là cột xà của nhà Phật bên nước Anh vậy.

Lược kê mục-lục tam-tạng của T. L.

(ông Đại-vệ suất bản ở nước Anh)

Kinh: 1) Trường-a-hàm 44 phạm.

2) Trung-a-hàm 252 phạm.

3.) Tạp-a-bà-m 7762 phạn.

4.) Tăng-nhất-a-hàm 9557 phạn.

5.) Tiều-Tụng 15 phạn.

Bốn bộ A-hàm này, so với bốn bộ A-hàm của Tàu dịch cũng đúng, chỉ một bộ Tiều-tụng, thì Tàu dịch còn thiếu một phạn (Thí-dụ).

Luật : 1.) Độ-la-di, 2.) A-dật-đề.

3.) Đại-phẩm, 4.) Tiều phẩm.

5.) Quyển thuộc. (cộng 25 phạn)

Năm bộ luật này, so với bản tạng của Tàu dịch, chỉ chia ra làm 2 Đại bộ mà thôi, còn như 25 phạn thì Tàu dịch cũng thiếu.

Luận : 1.) Pháp tự, 2.) Phân biệt,

3.) Giới thuyết, 4.) Dịch-nhân-thi-thiết,

5.) Thuyết-sự, 6.) Song đối,

7.) Pháp thủ.

Hãy bộ luận này cũng đúng như Bản tạng của Tàu dịch.

Chú sớ: (Cụ Giác âm soạn) 19 bộ

Còn những sớ thích và lịch sử thì nhiều lắm, không kể hết được, chỉ lược một phần chú sớ của cụ Giác-âm là vì cụ chính quê ở nước Ma Kiệt Đà, đạo hạnh rất cao, chức tác rất rộng, đến ở Tích lan, chữ danh đệ nhất. Cụ lại có một bộ gọi là « Thanh tịnh đạo luận » có quan hệ về Phật giáo lắm, làm cho phái Nam-tông chiêm ngưỡng cụ, cũng như phái Bắc-tông chiêm ngưỡng 2 cụ Mã-minh và Long thọ vậy.

Kinh điển chữ Cồ Phạn

Nguyên lai chữ Cồ phạn, từ Phật điển mà nói, thì thứ chữ đó là dấu hiệu tiếng nói của cõi giới Đại pháp. Nghĩa là từ cõi giới thứ 10 trở lên không cần dùng chỉ ngôn ngữ, đã không dùng ngôn ngữ, thì cũng không

phải đặt ra vấn tự làm chi, chỉ từ cõi giới thứ 9 (tức là từ cõi giới Đại phạn) trở xuống, gồm cả phạn phụ, phạn chúng và 6 cõi giới dục, cho đến 4 bộ châu, (tức là nhân gian ta) còn phải dùng ngôn ngữ, thì phải đặt ra vấn tự để làm dấu cho tiếng nói, ngôn ngữ bất đồng thì vấn tự phải khác, nhưng đều lấy ngôn ngữ vấn tự của cõi đại phạn làm vua các thứ ngôn ngữ vấn tự của các cõi người và giới khác. Phật ngài là thầy giới người nên những giáo pháp của ngài, dạy các giới trên : từ cõi thứ 10 (nhị thiên) trở lên không phải dùng ngôn ngữ thì ngài cũng không phải nói, còn từ cõi giới Phạn trở xuống đến nhân-gian, thì ngài mới phải dạy bằng lời nói, và lại đức Phật nào cũng sinh xuống Diêm-phù-đề ta mà thuyết pháp độ sinh, nên cái hóa cơ của chư Phật đã đưa thứ chữ ấy xuống cho cõi ta dùng từ đời vua Thánh-kim-luân, lưu hành đã lâu lắm. Nhưng thứ chữ ấy đến đời ngũ tặc này, thì phi Phật không ai nói được thực đúng và viết được thông, hiện thời ấy các thầy Bà-la-môn đều lấy làm chỉ có Phật mới nói được đúng tiếng Phạn thôi.

Sau ngài truyền cho đức thánh A-nan được chứng ngôi lòng-tri-da-văn, nên sau khi diệt-độ rồi, hết bấy các pháp đều hỏi tay đức Anan mới chép ra chữ được. Các kinh pháp chữ cổ phạn truyền từ đời tổ Ca-diếp đến đời tổ Đạt-ma, trải thời kỳ 28 đời tổ Tây-thiên, thuộc về kinh-diễn, chắc các tổ và các cổ-đức, vẫn phải dùng chữ cổ phạn, nhưng sự giảng diễn tuyên truyền, thì cũng phải chuyển mà dùng lối chữ tiếng thông thường (như ba-lị v. v.) hơn 1000 năm nay, giáo Bà-la-môn họ lại think lên, hầu hết cõi Ấn-độ lại lạc vào vòng giai cấp của Phạn-vương, và một vài nơi cũng lạc sang vòng bình lực của giáo Hồi-hồi, thì các kinh điển Phật thừa, vô luận lối vấn tự nào, đều tiêu diệt cả.

Ngoài ra chỉ còn có nước tên gọi là Népal, là còn giữ được ít nhiều Kinh văn cổ-phạn. Lạ lùng thay nước Né-

pal là một nước rất nhỏ, vị trí ngày nay ở chốn biên thùy Tây-bắc Ấn-độ, đông-nam giáp các xứ Ấn-độ đã thuộc Anh rồi, tây-bắc giáp nước Afghanistan 阿富汗 và nước Beloutchistan 備魯支. (2 nước này theo giáo hồi-hồi mà nước Anh bảo hộ). Nước Népal đó, thổ địa có 54 vạn Anh-lý, nhân số có 200 vạn dân đinh, chái bao nhiêu phen Bà-la-môn tâm thực và hồi-lồi giáo sấm lãng, mà Népal vẫn giữ được Phật-giáo đại-thừa mà tranκ thêm quốc độ, cho đến gần nay bao nhiêu dân-tộc theo về Bà-la-môn và Hồi-hồi giáo kia, đã đều bó tay dứt cõ, cúi rạp ở dưới bóng cờ đế-quốc của người Âu rồi. (Toàn cảnh Ấn-độ, có 5 xứ thuộc Pháp, 3 xứ thuộc Bồ, còn đều thuộc nước Anh cả). Xứ Tích-lan dẫu ở riêng ngoài vịnh bẽ mà theo Phật-giáo tiểu thừa, cũng không thoát khỏi. Sao Népal là một nước cõn con, mà nay vẫn được nghiêm nhiệm tự chủ. ông Levil là một nhà khảo cứu chữ danh tôn Đại Pháp, đã từng tên thân mõi, hay là những cơn tại biển lạch đất nghiêng giới kia, người Népal đã từng biểu câu Phật dạy rằng : « Tâm bình thì thế giới bình » (kinh Lăng nghiêm) trên dưới một lòng vẫn cõ giữ được « vô thượng thậm thâm vi diệu pháp », tức cái trình độ Népal đã tiến lên đến từng Phật hóa rất siêu rồi, những kẻ ngoại giáo hung tàn, cường quyền xâm lược kia, sợ cao không tới đến, sâu không rõ tới chẵn ? Song le, quả đất soay ghê, thói đời biến lạ, nay xem những cách theo giáo của Népal, lại thấy khác hẳn. Nghĩa là tuy cõ giữ được cõ kinh như thế, nhưng ngoài sự tụng niệm của các sãi ra, đạo Phật không diễn giảng, chữ phạn chẳng thông bành, chẳng khác gì tục nước ta dùng kinh bằng chữ Hán vậy. Ôi, trong tạng chữ giới cõ nhĩ kia, chứa chan phép Phật nhiệm mầu, mà bóa ra chỉ lờ mờ trong chốn khô hươg nghi ngút, đề cho thổ dân mê tín, mà làm mõi lợi dưỡng cho những kẻ chán đời thối, nếu không có người Anh sưu tầm khảo cứu mà tuyên diễn ra đời, thì cái chân diện mục của Phật giáo đại thừa, ai hay tỏ dạng. Vậy

xin trình trọng lược kê số mục những kinh chữ Phạn lấy được ở Népal ra sau này :

- 1.) Bộ Đại bát nhã 7 thứ
- 2.) Bộ Hoá nghiêm 3 thứ
- 3.) Bộ Phương đẳng 10 thứ
- 4.) Bộ Bảo tích 3 thứ
- 5.) Bộ Bi mật 23 thứ
- 6.) Bộ Các thánh soạn 8 thứ

Sáu bộ này Tàu đã dịch được cả rồi.

- 7.) Luận số 3 bộ, Kỹ thuật 1 bộ.

Nghị quý 2 bộ, Tạp loại (có cả y-học, lý học, lịch học, văn chương học và tự vựng) hiện còn nhiều lắm nước Tàu chưa có.

Các bậc danh nhân có công đức đối với phạn tạng truyền sang Anh, nhất là ông Hạ kim tôn. Ông là người Anh sinh, năm 2827 (1800) đến năm ông 18 tuổi, đã có chỉ khí phi thường, du học ở trường cao đẳng giáp cốc đà (đất Ấn độ) sau ra làm xếp thư ký tòa xứ, lên dần đến quyền Công sứ chủ tại nước Népal ông nhân thiên tính thông minh, lại được gần đèn, ở đây hơn 10 năm ngoài thì giờ làm việc nước ông chỉ lưu tâm nghiên cứu Phật thừa, năm 2974 (1817) ông từ chức công sứ vào tu ở núi Đại cát.

Khi thành thị lúc lâm tuyền.

Lòng son vẫn đượm màu thuyền như in.

Trước sau hơn hai mươi năm, ông chỉ giao du với các tăng, chớ được tinh thâm về giáo lý, rồi ông xuất bản một bộ sách hợp đủ cả « Quốc-ngữ, văn-học và tông-giáo của Népal và Tibet » (Tây tạng) Từ đó học giả Âu-châu đã hoan nghinh lắm, sau ông dịch bộ luận « Kim cương » và làm một bộ sách « Luận về Phật giáo của Népal » trong sách phổ diễn được cả những danh nghĩa rất hay

của bộ kinh « Tiểu phẩm bát nhã » và cả các kinh thuộc về lối biến và mật, sách ấy in vào tạp chí Á-Đ-Á, tất cả Âu châu thầy đều kính mộ ngợi khen, ông lại có rất nhiều xinh điển bằng chữ cổ phạn, hiện ở 2 trường học Luân đôn và Ngưu tân (Anh) cộng 381 bộ, lại còn tặng ông Bi-na phu (người Pháp) 174 bộ, và ông Mật đa la (người Ấn) 114 bộ. Sau ông Bi-na phu nhận được các sách ấy mà lưu tâm phiên dịch và chuyển thuật về giáo Đại thừa, để truyền bá cho nước Pháp mà làm nên một cự phách phái Phật giáo đại thừa ở nước Pháp, ông Mật đa la cũng nhận được những sách ấy mà thâm hiểu phép màu, sau ông đã công giúp nền Phật giáo nước Anh, có công qui to lắm, xin kể như sau, thì biết ông Hạ kim tôn gồm có đủ 2 thứ công đức to đối với phạn tạng ở nước Anh là đã thu suốt lại khuyến khích về sự phiên dịch tuyên truyền vậy.

Ông Mật đa-la sinh ở Ấn-độ, học rộng văn hay, tiếng tiếng thế giới. trước ông lĩnh chức tư thư cho hội Hiệp Á-tê-á ở Ấn-độ, sau ông thăng dần đến hội trưởng, ông Hạ kim tôn kính trọng lắm, nhân tặng ông nhiều sách (đi kể trên).

Người Anh mà đã có lòng,

Hướng là Thích chủng mà không sao đánh,

Ông nhân làm bài « Phạn-diễn-giải-đề » khảo chứng được rõ nguyên lai cái cây tháp già-da có quan hệ về các lối học khảo cổ thế nào, đã phát minh được rất nhiều nghĩa ở trong các phạn điển của Népal, sau ông phiên dịch được nhiều Kinh chữ cổ phạn ra Anh văn như « Kinh Đại trang nghiêm » và « Kinh du già triết học báo » v. v. rồi ông lại hiện đính cả bộ « Bát nhã thiên tạng tiểu phẩm » cho nước Anh nữa, năm 2915 (1888) thì ông tịch, hưởng thọ 68 tuổi.

Khi ông Hạ kim tôn còn làm sứ thần ở Népal là

thời kỳ sưu tầm Phạm Văn lần thứ nhất, thời kỳ sưu tầm lần thứ hai, là sau khi ông từ chức 30 năm, nước Anh lại có ông Lai đợc làm quan thầy thuốc cùng quân công số khác đóng ở Nepal, từ năm 2900 (1873) đến năm 2918 (1876) sưu tầm đợc 850 bộ cổ phạn, trừ sách bà-la-môn-ra, còn Phật điển đợc 325 bộ, sau ông Bình thông Lý sang sưu tầm lần thứ 3, cũng đợc nhiều lắm, chưa rõ đợc là bao nhiêu, mãi về sau nữa mới có người Pháp và người Nhật cũng đến sưu tầm lần thứ 4 và thứ 5, nhưng đưa về Pháp và Nhật cả, lịch sử Phật hóa nước Anh, tuy không cần nói đến, nhưng đó cũng là theo cái ảnh hưởng của ông Hạ kim Tôn đánh trống mở cơ ra trước vậy.

Kinh điển của Tây tạng

Chữ Tây tạng là dùng chữ cái của cổ phạn rồi chêm chước các vần mà đặt ra chữ Tây tạng (cũng như chữ quốc văn này của ta, là dùng chữ cái của La tinh, rồi chêm chước các vần mà đặt ra chữ ta vậy) Hiện nay Tây tạng theo riêng một lối giáo gọi là Nạt-mạ, cũng là một chi lưu của mật giáo Đại-thừa, ông thủy-tổ sáng lập nên giáo cũ, tên là Liêu-hoa-sinh, giáo đồ toàn dùng mũ áo đỏ, gọi là Hồng-giáo. Sau hóa ra nhiều tệ, ông Tông-hách-ba đứng ra cải lương, chỉnh đốn lại, mà cải ra dùng mũ áo vàng, gọi là Hoàng-giáo, truyền bá ra khắp đợc Thông-lĩnh; lan về phía đông, trừ một tỉnh Tân-cương (Tâu) theo giáo Hồi-hồi còn các xứ như Y-lê, Thanh-hải, Đô-bá-đặc, và Mông-cổ (Thuộc địa Tàu cũ) tràn vào cả nội địa Tàu như Thiểm-tây, Sơn tây và Chực lệ. Sau đến cả Mãn châu cũng theo về giáo ấy. Các xứ ấy đều lấy Tây tạng làm chốn trung tâm truyền bá cả, nhưng giáo ấy chỉ thi hành một lối chú thuật kỳ đảo thôi, vả lại có phần hỗn tạp với mật giáo của Bà-la-môn họ ấu cấp của Phật học xưa kia, và lại dung hòa với ma thuật cổ của Tây tạng nữa, nên phái Hồng giáo từng sinh ra tà dâm phá giới, chẳng đờng nghiêa cứu làm chi. Phái Hoàng

giáo tuy cũng có uy nghi rực rỡ, nhưng cái cốt-yếu cũng chẳng ngoài một chi mật giáo của Trung hoa mà thôi: Chỉ cốt nên chú trọng nhất, là Tây tạng còn có một ít phạn điển, và họ giữ được toàn tạng của Thổ phồn (Thổ phồn nay là một xứ thuộc Tây tạng) trong tạng phần văn rất là phong phú, cái tinh tướng của Phật giáo đại thừa, phần tạng có đủ, những số mục xin lược kê sau, nay hãy nói qua cái căn nguyên sở có phồn tạng; xưa nước Thổ phồn, theo giáo ở Tây vực saog, bắt đầu từ đời vua A-đục, dần đến đời ngang với đời Lục triều (Tàu) giáo đã dần thịnh, chái 30 đời nữa, đến vua Đắc-nặc-đức-tô-long-tán (ngang đời Đường-thái Tôn) ông Đoan-mỹ-Tam-Bồ. đề sang du học Ấn độ, dùng chữ cái cồ phạn, đặt ra dùng chữ Thổ phồn, rồi phiên dịch kinh điển. Bởi văn tự cùng một gốc nguồn, nên dịch được dễ dàng và rất tinh vi, hơn những kinh của Tàu dịch nhiều lắm. Nay cứ phần tạng đưa về Luân đôn, lược chia làm 2 đại bộ kê sau này:

1.) Chính tạng (tiếng phồn là Cam thù nhĩ 7) bộ.

甲) Bộ Luật hơn 600 quyển.

乙) Bộ Bát nhã hơn 200 quyển.

(Bộ này có toàn bộ đại bát nhã cũng như của Tàu, và có nhiều thứ Tiểu bát nhã, xưa cũng theo đó dịch ra cho Tàu).

丙) Bộ Hoa nghiêm 45 phẩm.

(Bộ này so với bản Tàu dịch; phẩm mục tuy khác, nhưng nội dung cũng đúng).

丁.) Bộ Bảo tích 6 hòm.

(So với bản của Tàu dịch, cũng chỉ khác phẩm mục thôi, chứ nội dung cũng giống).

戊) Các kinh khác. hơn 270 bộ.

己.) Bộ Niết-bàn 2 hòm.

(Trường hơn kinh của Tàu dịch)

庚.) Bộ Bí mật cộng 289 bộ.

(còn nữa)

Phượng-sơn Nguyễn-thiện-Chính

GIẢNG KINH THẬP - THIỆN
(tiếp theo)

4. CÔNG ĐỨC CHỮA TỘI NÓI SẴNG

復次龍王！若離妄語，
phục thứ long vương ! nhược lỵ vọng ngữ,
lại lần rồng vua ! bằng lia sảng nói,
Lại nữa Long vương ! nếu xa tội nói sảng.
卽得八種天所讚法。
tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp
bèn được tám giống trời thừa khen phép.
liền được tám thứ phép trời đã khen ngợi.
何等爲八？一口常清
hà đẳng vi bát ? nhất khẩu thường thanh
gi những làm tám ? một miệng thường trong
Những gì là tám ? một là miệng thường trong
淨優鉢花香；二爲世
tịnh ưu bát hoa hương ; nhị vi thế
sạch hơn bát hoa thơm ; hai làm đời
sạch thơm như hoa ru bát ; hai là thế
間之所信伏；三發言
gian chi sở tín phục ; tam phát ngôn
khoảng chung thừa tin cúi ; ba ra nói
gian chung thừa tin phục ; ba nói ra
成證人天歡愛；四常
thành chứng nhân thiên kính ái ; tứ thường
nền chứng , người trời kính yêu ; bốn thường
nền chứng , người trời kính yêu ; bốn thường
以愛語安慰眾生；五
dĩ ái ngữ an ủi chúng sinh ; ngũ
lấy yêu nói yên ủi nhiều sống ; năm
lấy nhờ nói ngọt ngào yên ủi chúng sinh ; năm

得 勝 意 樂, 三 業 清 淨 ;
đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh ;
 được được ý vui, ba nghiệp trong sạch ;
 được sự vui thỏa ý, ba nghiệp trong sạch ;
 六 言 無 誤 失. 心 常 歡
lục ngôn vô ngộ thất tâm thường hoan
 sáu nói không lầm lỡ, lòng thường vui
 sáu nói không lầm lỡ, lòng thường vui
 喜 ; 七 發 言 尊 重. 人 天
hỷ ; thất phát ngôn tôn trọng, nhân thiên
 mừng ; bày ra nói tôn trọng, người trời
 mừng ; bày nói ra tôn trọng, người trời
 奉 行 ; 八 智 慧 殊 勝, 無
phụng hành ; bát trí tuệ thù thắng vô
 vâng làm ; tám khôn sáng khác được, không
 vâng theo ; tám trí tuệ sáng lạ, không
 能 制 伏, 是 爲 八 若 能
năng chế phục, thị vi bát, nhược năng
 hay chế phục ấy làm tám, nếu hay
 hay bát phục, ấy là tám. Nếu hay
 迴 向 阿 耨 多 羅 三 藐
hồi hướng a lốc đa la tam rieu
 quanh ngoảnh a lốc đa la tam rieu
 三 菩 提 者. 後 成 佛 時,
tam bồ đề giả, hậu thành Phật thời,
 tam bồ đề ấy, sau nên Phật lúc.
 卽 得 如 來 真 實 語.
tức đắc như lai chân thực ngữ.
 bèn được bằng lại thực thực nói.
 bèn được tài nói chân thật như lai.

Lại nữa, Long vương này! Nếu chừa được tội nói sảng, tức thì được tám phép chư thiên đều khen ngợi. Những gì là tám? 1. Miệng thường trong sạch thơm tho như hoa ưu bát (hoa sen xanh); 2. Thế gian đều tin phục; 3. Nói ra là đúng lý, nhân thiên đều kính yêu; 4. Thường dùng lời ngọt ngào mà yên ủi chúng sinh; 5. Được hưởng cái thú mọi điều như ý, ba nghiệp trong sạch; 6. Nói không lầm lỡ điều gì; lòng thường vui vẻ; 7. Nói lời tôn trọng, nhân thiên đều vâng theo; 8. Trí tuệ tuyệt trần không ai đè nổi, thế là tám. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu đạo a-lỗc đa la tam niệu tam bồ đề, sau này thành Phật, sẽ được tới chỗ nói lời chân thực như đức Như lai.

5 CÔNG ĐỨC CHỪA TỘI HAI LƯỠI

復次龍王！若離兩舌，
phục thứ long vương! nhược lý lưỡng thiệt

lại thứ rồng vua! bằng lia hai lưỡi,

Lại nữa Long vương! nếu lia hai lưỡi,

卽得五種不可壞法。

tức đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp.

bèn được năm giống chẳng khá nát phép

bèn được năm thứ phép không thể phá hoại được.

何等爲五？一得不壞

hà đẳng vi ngũ? nhất đắc bất hoại

gi bực là năm? một được chẳng nát

Những gì là năm? Một được cái mình chẳng nát.

身，無能害故；二得不

thân, vô năng hại cố; nhị đắc bất

mình, không hay hại cố; hai được chẳng

không gì làm hại được; hai được giòng

壞，眷屬無能破故；三

hoại quyến thuộc vô năng phá cố; tam

nát giòng loài không hay vỡ cố; ba

giới chẳng nát không hay phá được; ba

得 不 壞 信, 順 本 業 故 ;
đắc bất hoại tín, thuận bản nghiệp cố ;
 được chẳng nát tín, thuận gốc nghiệp cố ;
 được lòng tin chẳng nát, vì theo bản nghiệp ;
 四 得 不 壞 法 行, 所 修
tứ đắc bất hoại pháp hành, sở tu
 bốn được chẳng nát phép làm, thừa sửa
 bốn được phép làm không nát, vì đã
 堅 固 故 ; 五 得 不 壞 善
kiên cố cố ; ngũ đắc bất hoại thiện
 bền chắc cố ; năm được chẳng nát lành
 tu được bền chắc ; năm được hạn trí thức
 知 識, 不 誑 惑 故 是 爲
tri thức, bất cuồng hoặc cố. thị vi
 biết biết, chẳng rời làm cố, ấy làm
 tốt không nát, vì không rời làm, ấy là
 五. 若 龍 廻 向 阿 耨 多
ngũ. nhược năng hồi hướng a lốc đa
 năm. bằng hay quanh ngoảnh a lốc đa
 năm. Nếu hay hồi hướng cầu đạo
 羅 三 藐 三 菩 提 者, 後
la tam niệu tam bồ đề giả, hậu
 la tam niệu tam bồ đề ấy, sau
 chính định tốt bực ấy, sau khi
 成 佛 時, 得 正 眷 屬 諸
thành Phật thời, đắc chính quyến thuộc chư
 nên Phật lúc, được ngay giống loài mọi
 thành Phật, được giống giới chân chính, mọi
 魔 外 道, 不 能 沮 壞.
ma ngoại đạo, bất năng沮 hoại
 ma ngoài đạo, chẳng hay ngăn nát.
 ma ngoài đạo, chẳng hay phá hoại. (còn nữa)

TÂY - VỤC KÝ

(tiếp theo)

Trong bọn 6 người, 5 người trông thấy, còn một người tuyệt không trông thấy gì cả. Ước chừng bằng nửa bữa cơm, trông thấy ranh rọt, lễ bái cầu nguyện, tán hương tán hoa, đến lúc ánh sáng tan hết mới lễ tạ đi ra.

Mấy người đi theo đều vai vể hết sức tán thán rằng chưa từng được thấy thế bao giờ. Nếu không nhờ ở cái chí chí thành, cái nguyện chí thiết của Pháp-sư thì không sao được như thế. Nữa tên cướp cũng đều vứt dao đi xin tạ ngũ giới mà về.

Pháp sư trở về chỗ cũ, cùng chúng theo đường núi đi về phía Đông nam, chừng hơn 500 dặm, đến nước Kiện đà la (Bắc Ấn độ). Nước ấy phía Đông áp sông Tiều độ, kinh đô gọi là Bồ lộ sa bố la.

Trong nước từng sinh nhiều bậc hiền thánh, như các ngài Na-la-duyên thiên, ngài Vô chương bồ-tát, ngài Thế thân Bồ-tát, ngài Pháp cứu Nour ý Hiệp-tôn giả, đều sinh ở nước ấy cả.

Về phía Đông bắc Vương thành, có một cái đài xây bằng sắt bảo đề thờ cái bình bát của Phật. Sau cái bát ấy luân lưu đi khắp các nước, hiện nay để ở nước Ba-thích noa tư.

Về phía Nam ngoài thành chừng 8, 9 dặm, có cây Tất-bát la, cao hơn 100 thước, 4 vị Phật quá khứ đều ngồi tu ở đấy. Hiện có tượng 4 đức Như lai, còn 996 vị Phật sau này cũng sẽ ngồi ở đấy cả.

Bên đó có một cái tháp, do vua Ca nhĩ sắc ca xây lên, cao 400 thước, chu vi nền tháp vừa một dặm rưỡi, cao 150 thước, trên có 25 tầng, dát bằng đồng đỏ. Trong tháp thờ một hộc « xá-lị » của đức Như-lai.

Về phía Tây-nam, cách tháp ấy hơn 100 bước, có tượng bằng đá trắng, cao 1 tượng 8 thước. Đứng ngoài mặt về phía Bắc, có nhiều linh-tích lạ. Thường thường có người

trông thấy tượng ấy đêm khuya thì đi nhiều xung quanh tháp.

Từ đây đi về phía Đông bắc, độ hơn 100 dặm, qua một con sông lớn, đến thành Bồ-sắc-yết-la-phạt-đề. Phía Đông thành có một cái tháp, do vua Vô-Uu tạo lên, tức là chỗ 4 đức Phật quá khứ ngài thuyết pháp vậy.

Về phía Bắc cách thành ấy chừng 4, 5 dặm, có một ngôi chùa. Trong chùa có một cái tháp, cao hơn 200 thước, do vua Vô-Uu tạo lên, tức là chỗ xưa kia đức Thích-ca ngài lu hạnh Bồ-tát làm đạo bồ-thì, 1000 đời làm vua ở đây và bồ-thì mất ở đây.

Ở đây còn có nhiều thánh-tích nữa, Pháp-sư đều chiêm lễ và đem tiền bạc lụa là của vua Cao-sương đã tặng cúng mỗi nơi một ít, chỉ thành lễ bái rồi mới đi.

Từ đó đi đến thành Ô-đạc-ca hán-đồ. Ra cửa phía Bắc, chèo núi qua sông, đi hơn 600 dặm, tới nước Ô-trượng-na, mé sông Tô-bà tát-đồ.

Ngày xưa có hơn 1400 ngôi chùa, tăng đồ linh 18.000, bây giờ đều đã nát thừa thớt. Kinh luật của Tăng chỉ còn có 5 bộ: 1) Pháp-mật bộ, 2) Hóa-địa bộ, 3) Phan-quang bộ, 4) Thuyết nhất thiết hữu bộ, 5) Đại-chúng bộ.

Vua thì thường ở trong thành Mãng-yết-li, nhân vật đông đúc.

Về phía Đông ngoài thành chừng 4, 5 dặm, có 1 cái tháp lớn, có nhiều diêm linh dị, tức là chỗ đức Thích-ca xưa kia còn là Nhãn-nhục tiên nhân, bị vua Yết-lợi chém xả thân thể ngài.

Đi về phía Đông-bắc, cách thành chừng 250 dặm, vào một quả núi lớn, đến cái suối A-ba-la-la-long, tức là cái nguồn trên sông Tô-bà.

Về phía Tây nam suối ấy, khí hậu rét lạ. Mùa xuân, hạ nước thường đông, tới đến tuyết bay lả tả trên không, biến đủ ngũ sắc, như rắc các thứ hoa.

Về phía Tây nam, cách Long-toàn chừng hơn 30 dặm, có một tảng đá lớn mà phẳng, trên có vết chân Phật. Tuy phúc nguyện người trộm vào thấy giải ngân khác nhau, chính là chỗ xưa kia Phật đến hàng phục A-ba-la-la-long rồi lưu vết chân lại mà đi.

Cứ theo giòng nước đi xuống độ hơn 30 dặm, có một tảng đá của Phật giặt áo, ãnhững vết nếp áo cả sa, hãỷ còn rõ như in.

Đi về phía Nam, cách thành chừng hơn 400 dặm, đến núi Hê-la, tức là chỗ đức Như lai xưa kia xả thân báo ơn Đức-xoa cầu nghe lấy nửa câu kệ.

Đi về phía Tây, cách thành chừng 50 dặm, qua một con sông lớn, đến cái tháp Lu-hê đát-ca, cao hơn 10 trượng, do vua Vô-Uu tạo lên, tức là chỗ đức Thích-ca xưa kia làm vua Từ-lực lấy dao đâm mình lấy máu cho 5 tên Đức-xoa uống.

Về phía Đông bắc, cách thành chừng hơn 30 dặm, có một cái tháp gọi là tháp Ki-đặc (Át-bộ-đa) xây bằng đá, cao 30 thước, tức là chỗ xưa kia Phật thuyết pháp cho thiên-nhân nghe. Khi Phật đi rồi, tự nhiên hiện ra cái tháp ấy.

Đi về phía Tây, qua một con sông lớn, đi độ 3, 4 dặm, đến một nơi tinh xá, trong có tượng ngài Quán tự tại Bồ-tát (A-phức-lu-bi-đa-y-thấp-phạt-la) rất là uy linh.

Từ đó đi về phía Đông-bắc, chèo non lội suối, leo qua những cầu cheo leo, qua ngôi, qua lạch, phải vịn vào cầu mà men dần, rất là nguy hiểm.

Đi hơn nghìn dặm, đến Đát-lệ Đa-xuyên, tức là kinh đô cũ nước Ô-trượng-na. Trong thành có một ngôi chùa lớn, có một pho tượng đức Di-lặc bằng gỗ, thếp vàng chói lói, cao hơn 100 thước, do tay vị Mật-điền-đề-giã-la-hán tạo nên. Ngài dùng thần lực, mang thợ lên tận cung trời Đờ-sức-đa mà xem ngó tướng đẹp. Đi lại ba lần, mới tạc xong pho tượng ấy.

Từ thành ấy đi về phía Nam, qua sông Tín-độ, sông rộng đến 3, 4 dặm, nước trong mà chảy như thác, có nhiều độc-long, ác-thú ẩn nấp ở đấy. Hễ ai mang đồ báu lạ và « xá-lợi » của Ấn-độ đi qua đây, thế nào cũng bị đắm thuyền.

Sang qua sông ấy, đến nước Đất-xoa thủy-la. Về phía Bắc ngoài thành chừng 12, 13 dặm, có một cái tháp, do vua Vô-ưu xây lên, tức là chỗ xưa kia Phật-tổ tu Bồ-tát hạnh, làm vua nước lớn, hiệu là Nguyệt-quang (Chiến-đạt-la-bát thích bà) quyết chí cầu đạo, xả ngàn cái đầu ở đấy. Bên tháp có một ngôi chùa, là chỗ ngài Cáo-ma-la-đa xưa kia chế tạo Luận-tạng ở đó.

Từ đó đi về phía Đông-nam hơn 700 dặm, có nước Tăng-há bồ-la.

Lại đi xiên sang phía Bắc nước Đất-xoa thủy-na, qua sông Tín-độ, đi về phía Đông nam hơn 200 dặm, qua một cái cửa đá lớn, tức là chỗ Ma-ha tát-dóa Vương tử xả thân cho hổ ăn thịt, để cứu cho 7 con hổ con. Bởi trong vùng ấy vì nhuộm phải máu của Vương-tử, nên đến nay cũng vẫn còn đỏ, cây cỏ cũng thối.

Lại từ đó đi men đường núi về phía Đông nam, chừng hơn 500 dặm, đến nước Ô-thích-xoa.

Lại đi về phía Đông-nam, qua một cái cầu sắt rất nguy hiểm. Đi hơn ngàn dặm, đến nước Ca-thấp-di-la. Phía tây kinh thành áp một con sông lớn, có hàng trăm ngôi chùa, tăng đồ hơn 5000 người, có 4 cái tháp cao lạ, đẹp lạ, do vua Vô-ưu xây lên, trong mỗi cái tháp có hơn một tấn « xá lợi » Phật.

Pháp sư đi tới cửa đá, là cửa Tây thành ấy. Vua sa ông cậu đem xe ngựa ra đón, vào trong cửa đá, rồi đi lễ các chùa, ngủ ở một ngôi chùa lên là Hộ-sắt-ca-la.

Đêm hôm ấy các sư trong chùa đều nằm mộng thấy Thần nhân báo rằng :

(còn nữa)

VIỀNG ĐỀN HÙNG-VƯƠNG

Đền Hùng vương thuộc xã Cổ tích, Phủ Lâm-thao, tỉnh Phú thọ. hàng năm cứ 10 tháng 3 ta là ngày đại hội, tương truyền ngày ấy là ngày vua Hùng vương băng hà nên tới nay Quốc dân làm lễ truy điệu lại nhằm vào kỳ lễ Thanh minh, con cháu hơn 4000 năm lũ lượt kéo nhau đi thăm mộ tổ, tưởng cũng là một việc rất có ý nghĩa. tôi tuy xuất gia nhưng cũng dự một phần tử con Lạc cháu Hồng há rằng chỉ biết chùa Hương mà không biết đền Hùng, chỉ chăm kỹ niệm giao tổ mà không biết kỹ niệm Quốc tổ hay sao? do ý tưởng rồi thực hành ngày 9 tháng 3 ta tôi ra ga Đầu-cầu đón xe lửa đi qua Phúc-an Việt-an Việt tri Phú-đức rồi đến ga Tiên-khiên giáp tỉnh lỵ Phú thọ, xuống ga đã thấy hàng mấy nghìn người Thiện nam tín nữ, có cả người Pháp, người Tàu, đủ mọi hạng người, kể xe người bộ có vẻ nao nhiệt hơn hội Phủ đây, hội chùa Hương, đi qua một giải đồi.

Cứ lên lại xuống, xuống lại lên.

Lúa khoai dưới ruộng, chè sắn trên đồi.

Một vùng dân dân sinh hoạt phong phú về nghề đồng sơn, đi độ 7 cây số đến xã Cổ tích, trông lên một quả núi chon von cao ngất, cây cối rậm rạp um tùm, đó là núi Hùng, dưới chân núi có chợ, một ngôi nhà công quán làm kiểu tây trên một quả đồi bên núi, từ chợ ngược lên độ một trăm thước tây, đi qua một cái cổng, xây nguy nga đồ sộ, rồi cứ theo đường vòng thúng trèo lên, những chỗ đường dốc đều xây bậc si-măng, trèo độ 200 bậc lên tới nhà bia, một cái bia kỷ-sự đền Hùng, có khắc niên hiệu Khải định thứ hai, bên hữu mé dưới nhà bia là ấu giếng mé trong nhà bia một cái sân bằng phẳng rộng rãi, ngoài, ba gian gác chuông, trong có ngôi chùa cổ, có biển đề Thiên quang thiền tự (天光禪寺) có sư cụ trụ trì, có hành lang, có nhà hậu, nhưng nhà tổ, nhà Tăng cư lại ở dưới làng

cách chùa 3 cây số. Tôi hỏi: tại sao trên này rộng rãi thế này mà không làm nhà ở cư Khách xá? Cụ trụ trì nói rằng: « Chỉ có ngày hội, ngày tuần đông người mới đi lên đây, còn quanh năm thầy trò tôi vẫn ở nhà ở dưới làng ». Quanh ra sau chùa, lại trèo lên độ hơn 100 bậc xây nữa thì đến sân đền Trông vào thấy bốn chữ « Huệ thủ nam bang » (惠此爾邦), trông xuống bốn mặt đồi rừng bao la bát ngát, đều quay về mặt tây nam Lô giang Việt-trì, trong nội cung ba gian thờ bằng long ngai, ngoài liền-tế cũng ba gian coi rất phong- quang hùng vĩ, lui vào mé bên tả ba gian nhà chèo, bên hữu xuống mấy bậc là Lăng, một cái nhà xây vuông tám mái, trong có ngôi mộ xây bình chữ nhật, có bài vị đề chữ Hùng-vương chi mộ, từ chân núi lên tới đền ước độ non cây số, cả thấy có hơn 300 bậc xây-si-mãng, rặng đồi trước do một nhà phú-gia xây cùng, trong miếu có rất nhiều câu đối, bài chầu, hầu khắp của các nhà Đại sỹ hoạn đại văn chương trong nước đề cùng, xin phụng lục mấy câu quốc âm sau đây :

*Gây dựng trời nam, nước bốn nghìn năm nhà
có nóc,*

*Sinh xôi giống tốt, cháu hai nhăm triệu cụ
chưa già.*

*Cháu chắt còn, tôn tồ hầy còn, nòi giống nhà
ta sinh sản mãi,*

*Nắng mưa thế, miếu lăng vẫn thế, non sông
đất nước vững bền lâu.*

LĂNG

*Lăng làm tự năm nào, núi Tản sông Riền non
nước vẫn quay về đất lở,*

*Văn-minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc,
giống nòi còn biết nhớ mộ ông.*

Con cháu ba kỳ thăm mộ tổ,
Non sông muôn thửa rạng non Tiên.

CHÂM

Miền tây cao ngất núi vua Hùng,
Đất ấy xưa là đất Lạc-long.
Mười tám đời vua gầy mãi giống,
Bốn nghìn năm cháu chừa quên ông.
Xây lăng xưa miếu khen ai khéo,
Ăn quả treo cây nhớ kẻ giồng.
Đất tổ dấu thơm còn để đó,
Lâm bia ghi tạc với non sông.

Không nhẽ chỉ biên chép của người, còn nình cũng
có công tìm tôi đến nơi mộ tổ, lại không có câu gì
kỷ niệm hay sao ? tôi cũng mạnh bạo viết bài Việt-
thời thất ngôn bát cú :

Bình-bát cả-sa lời núi Hùng,
Rằng nơi Quốc tổ phải đây không ?
Miếu vũ lang thương trơ mấy óc,
Nhân tâm thanh trực rē bao lòng.
Tờ liên ngày trước khôn và giỏi,
Con cháu bây giờ dốt lại ngóng.
Viếng miếu thăm lăng thêm lạnh tưởng,
Nỗi niềm cố-quốc ngàn ngơ trông.

THÁI HÒA



BÁN NGHÈO

(Trích trong Hiền-ngụ nhân-duyên)

Ở nước A-bàn-đề ngày xưa, có một nhà giàu nứt đố đổ vách, của cải chứa chan, không biết thế nào mà kẻ xiết được, song tích khí keo củ bủn xỉn, tàn ác hết sức, cho nên tiếng xấu đồn khắp xa gần, ai ai cũng đều chán ghét.

Sáng hôm ấy ngài Ca chiên duyên tôn giả đi truyền đạo khai hóa có qua xứ đó, vắng vắng tai nghe tiếng người khóc lóc rất rầu rĩ đau đớn ở đâu đưa lại, lòng đau sâu mỗi thương tâm, ngài liền chạy quanh đến chỗ có tiếng khóc kia, vừa đến bờ sông chợt trông thấy một bà già đầu tóc rũ rượi, mặt mày nhẩn nhó, lấm láp bần thiêu, khóc lóc lướt lướt, tay xách cái lọ xuống sông kiếm nước, ngấm ngấm tui thân, đứng đứng lại khóc, hu hu ở bờ sông. Ngài Ca-chiên-duyên tôn giả bèn đến tận nơi hỏi rằng : « Bà lão kia ơi ! bà lão kia ơi ! sao bà khóc lóc rầu rĩ như thế ».

— Thưa ngài, tôi không may ở với người chủ lòng đen như mực, ngày đêm sai khiến không hề được lúc nghỉ ngơi, hơi xảy ra sự gì sai nhảm một chút là bị đánh đập khổ sở đau đớn lắm, áo không cho đủ che thân, ăn không bao giờ được no bụng, thật là đã già không trót đời, cầu chết không xong, cầu sống chẳng được, cực khổ mà không biết kêu ai, nghĩ bao nhiêu lại càng tui bấy nhiêu, nên tôi tui thân khóc lóc.

— Bà đã nghèo khổ như thế, sao bà không đem bán cái nghèo ấy đi có được không ? Bà lão nghe lấy làm lạ lòng sợ hãi lắm, hỏi rằng : Chết chửa, sao ngài nói la thế, cái nghèo thì bán làm sao được mà bán thì ai là người mua cho.

— Cái nghèo thật có thể bán được.

Bà lão vẫn không hiểu, hỏi đi hỏi lại hai ba lần, sau bà tự nghĩ rằng : cái nghèo nếu quả bán được, ta nên hỏi

ương pháp bán xem ngài bảo sao, bèn cung kính chấp
bối rằng : kính thưa đại đức, cái nghèo làm thế nào
à bán được.

— Như quả ý bà muốn bán cái nghèo đi, phải có lòng chí
lành, sẽ nghĩ kỹ đi xem, rồi cứ theo làm đúng như lời
i sẽ được.

Bà già lại chấp tay bạch rằng : 'tôi xin kính vâng lời
gợi dạy bảo dẫn dò, xin ngài mở lòng thương xót dạy
phương pháp hay ấy cho tôi nhờ.

— Bà sẽ về tắm gội sạch sẽ đi, xong rồi sẽ lại đây, tôi
m.

Bà già theo đúng lời vợi vâng về nhà chủ đi ra chỗ
ng tắm gội rồi, lại đến ân cần hỏi phương pháp bán
ghèo.

— Bà muốn bỏ cái nghèo đi thì bà phải làm việc bố thí
oi được. Bà già nghe lấy làm ngạc nhiên vợi giả lời rằng :

— Chết ! chết ! tôi nghèo cùng như thế này còn có gì mà
bố thí, ở bên mình tôi bây giờ duy còn có cái lọ này của
tiền để lại cho là tôi được quyền tự chủ là sở hữu của
i, tôi có thể bố thí được mà thôi ngoài ra thật không
qua một vật gì là của tôi cả, vậy ngài bảo lấy gì mà
m được việc bố thí.

Ngài Chiên duyên tôn giả đưa cho bà già cái bát bêu
áo rằng ; bà đi lấy vào đây một ít nước ao trong sạch.
à nghe lời cầm bát đi ngay đem nước về dâng ngài, ngài
ên phát nguyện đại ý nói rằng : bao nhiêu tội ác đã gây
a từ trước nên nay phải nghèo cùng khổ sở, vậy từ nay
guyện xin tiêu diệt hết cả tội xấu xa ấy. Từ nay làm
ược chút phúc đức gì ngày càng thêm lớn, hưởng phúc
oi đời, không còn phải chịu những điều khổ não nữa.
thát nguyện xong rồi lại nói công đức giữ giới ăn chay
têm Phật cho bà nghe, ngài lại hỏi lại bà già rằng : thế
à có nhà nghĩ riêng không ?

— Không ạ, hễ lúc nào làm lụng nhọc mệt lắm thì năm

vật nằm vạ ngay chỗ làm đó chốc nhất mà thôi. nếu chỉ bắt được liền bị đánh đập khổ sở lắm, sự khổ sở đó không thể tả sao cho xiết được, nhiều khi 2, 3 ngày đêm không giám chớp mắt một lúc, cùng quá phải ăn nấy trong đống rác bần thiêu chớp mắt chốc nhất mà thôi.

— Thôi bà nên yên tâm, không nên buồn rầu ảo não nữa. nên tưởng hết thấy những sự khổ vui, phải trái, được mất, trước sau đều là giả giới cả, không nên đề vương vào lòng, không nên lo nghĩ làm chi nữa. Nếu gặp người chủ sai khiến cũng lai nên cung kính thuận mệnh, chớ nên hiềm dận, nên biết rằng những cách khổ ở trước mắt đây đều do đời trước mình tạo ra cả, nếu khi cái nghiệp được nó hết rồi thì tự nhiên được giải thoát ngay, như cái vật gì ném xuống nước nếu nặng là chìm, nhẹ thì nổi ngay, không sai một chút, chứ cái nước kia nó không có tâm gì với vật nọ cả.

Vậy những khi làm các công việc xong rồi bà nên tìm một nơi tĩnh tịch yên tâm niệm Phật, chớ sinh lòng nghĩ sự gì độc ác nữa, ngài dặn dò kỹ lưỡng rồi liền đi giáo hóa nơi khác.

Bà già nghe xong bấy giờ trong lòng tỉnh ngộ, khoan khoái vô cùng, hình như bỏ được gánh nặng trên vai, lại về nhà chủ, theo đúng như lời dặn, tu hành rất là chăm chỉ tinh tiến, đến gần sáng hôm sau tự nhiên ngủ bóa ngay đi được, sinh lên cung giới đao lợi, sáng sau người chủ dậy sớm xuống trông thấy bà già chết rồi, liền phát oản nói rằng : cái người ở già này, vẫn không cho nghỉ ở trong nhà mà làm sao tối qua lại cho vào để cho nó chết ở đây rồi, lập tức gọi người lấy giấy vàng bôi dán ra đem bỏ ở trong rừng lạnh cây khô. Bấy giờ ở trên cung giới đao lợi có một vị thiên tử có đủ 500 hộ hàng quyến thuộc tại Thiên cung, ở nơi cung điện rất rực rỡ nguy nga, sang hôm ấy vừa là ngày hết phúc đức, lại gặp ngay bà già nghèo nhờ có công đức bố thí niệm Phật nên chết đi được sinh ngay lên đây, sung ngay vào ngôi

của vị Thiên-tử kia, phàm các vị hiền thánh đã được sinh lên đây đều là những bậc có đủ phúc đức sâu dày lắm rồi, nên vị nào cũng được đủ thần thông tri tuệ, biết rõ túc mệnh của mình đời trước vì duyên cớ gì mà được sinh lên đây, còn những người có phúc đức mà căn tính đần độn thì chỉ biết hưởng sự vui sướng mà thôi, bây giờ bà già ấy đã được sinh lên rồi song chỉ biết cùng với các người quyến thuộc ở Thiên-cung thu dụng những phần khoái lạc mà thôi, không còn biết nhân duyên gì mà được sinh lên đây hưởng sự sung sướng như thế cả.

Bấy giờ may lại gặp được ngài Xá-lợi-phất cũng ở đây. Ngài bèn hỏi rằng : « Thiên-tử vì nhân duyên phúc đức gì mà được sinh lên đây ? »

— Tôi không biết. Ngài Xá-lợi-phất bèn dạy cho phép tu đắc đạo nữa, khi đắc đạo rồi bèn hiểu thấu biết rõ nhân duyên thân của mình vì lẽ gì mà được sinh lên Thiên cung, là do nhờ sức ngài Ca-chiên-duyên tôn-giả, bèn đem 500 người quyến thuộc xuống chỗ rừng hoang đốt hương tán hoa chung quanh cúng giàng xác chết của mình cũ. Hào quang của các người cõi Thiên sáng rực rỡ khắp cả các thôn dân ở vùng chung quanh. Người chủ nhà trước thấy quang cảnh ấy lấy làm lạ và sợ hãi lắm, muốn đến tận nơi mà không dám đi một mình, bèn bảo tất cả các người chung quanh cùng ra rừng xem. Đến tận nơi cũng không thấy dấu tích gì lạ cả, chỉ thấy rất nhiều người như là tiên xúm xít nhau cúng rằm cái thầy chết của người ở già mà thôi. Bấy giờ người chủ nhà cũ bảo mọi người rằng : « Quái ! Không hiểu sao mà cái người ở già này trước kia xấu xa bần khổ, còn sống ai trông thấy cũng phải ghét, hưởng chi là chết rồi, mà sao lại được người cõi thiên cúng dâng như thế này ? »

Bấy giờ vị Thiên tử ở trong đám đông người chạy ra nói rõ ràng hết mọi sự gốc rễ nhân duyên được sinh lên Thiên cung cho mọi người nghe, Ai nấy đều ngạc

khen công đức bố thí giỡ giới, niệm phật là vô lượng vô biên, có nhiều người cũng phát tâm tu theo, nơi rồi lại cùng với 500 người quyến thuộc cùng rủ nhau đến chỗ ngài Ca-chiên-duyên thuyết pháp, cúi đầu đảnh lễ xin ngài thuyết các pháp mẫu nhiệm cho mọi người cõi thiên nghe, ngài bèn thuyết pháp và nói những công đức bố thí niệm Phật và nhân duyên sinh thiên cho mọi người nghe, kết cù ngài lại nói các pháp bất tịnh, là thân người và của cải ở thế gian nó hay làm mờ ám lòng người, sinh ra bần thiếu, nếu ai bị khổ được là con đường diệt tội đắc phúc rất mau chóng không còn gì hơn nữa, bấy giờ tất cả 500 người cõi thiên nghe pháp xong ai nấy đều tinh ngồ xa lìa được trần cấu, được pháp nhơn tịch rồi lại cùng về cả cõi thiên.

Sa-môn TRÍ-HẢI

Lễ Phật-đản và cuộc diễn-giảng
 CỦA CỤ LỚN VÕ-HIÊN ĐẠI HUNG-CÔNG
 NÓI VỀ VIỆC LÀM CHÙA HỘI-QUÁN TRUNG-ƯƠNG

Lễ Phật-đản tại chùa Quán-sứ hội quán Trung-ương hội Phật-giáo năm nay, cử hành xuất hai ngày, ngày mồng 7 và mồng 8 tháng tư như trong chương trình đã đăng. Lễ mới về ngày mồng 7 có ban đồng sinh tăng tức là các chú tiểu học sinh 12, 13 tuổi trở xuống ở trường Bồ-Đề về làm khóa lễ mới thuần tiếng quốc-âm do chư tăng giáo-thụ trường Bồ-Đề soạn. Các bài kinh bài kệ hoặc dịch hoặc tập-thái những bài có tiếng hay của Hội. Các chú đọc kinh hát kệ, giọng đồng-ấu thiên-nhiên nghe dễ cảm người lắm. Ngày mồng 8 ban hộ-niệm cũng có khóa lễ thuần nôm mới soạn ra làm lễ, được giáo-hữu hoan-ughênh nhiều. Chiều, có ban nữ đồng-sinh mặc áo siem thiên-nữ đóng làm bộ nhạc-cồng Dế-thích, vừa hòa nhạc nhà Phật vừa hát những bài kệ tán Phật, rất là êm ái dấp dàng. Tối có lễ Tam-quy của Cụ Chánh-hội-trưởng Nguyên cùng một số đồng hàng trăm giáo-hữu Thiện tín cùng làm lễ thụ Tam-quy, lễ

Qui này theo nghi lễ mới do các Đạo-sư mới định ra rất giản dị, thực hợp với tâm-lý khai-minh của giáo hữu ngày nay, nên công chúng đều hoan-hỉ lắm. Lễ này xin có bài diễu-giăng của cụ Chánh Hội-trưởng về nghi lễ sẽ thuật riêng ra một bài, đây xin thuật về cuộc diễu giăng long trọng ngày hôm ấy.

Vì có giấy mời, nên chư tăng, các vị Đại-lý cùng các ông các bà hội-viên ở các chi hội có lòng sốt-sản về việc làm chùa hội-quan Trung-ương về dự lễ nghe giăng đông lắm. Chư Hậu ở Hanoi và ở các hạt nhà quê xa đều có mặt.

Đúng 3 giờ chiều, cụ lớn Đại Hưng-công Võ-hiền Hoàng Trương-công tới, làm lễ Phật xong Ngai ngồi ghế chủ tọa về phía tây trước Phật đài, tiếp hàng ngồi cố Cụ Tổng-đốc trí sĩ Nguyễn-đình-Quy, Cụ Tổng-đốc Thái-bình Nguyễn-hữu-Tiếp, Cụ Thượng Hòe, Cụ Án Bùi-ngọc-Hoàn và nhiều quan-khách. Đối diện về phía đông có các vị Đại-dức : Cụ Trung-hậu, Cụ Tế-cát, Cụ Hương-tích, Cụ Sở. Cụ Chánh Hội-trưởng và nhiều vị Hòa-thượng khặc. Kế đến hai dãy ghế ngồi hướng vào Phật-điện, nam nữ ngồi hai bên. Đầu dãy ghế bên nam có các vị thân hào Hoa-kiều : ông Đại-biêu chi-bộ Quốc-dân-đảng, ông chủ hiệu Đồng-lợi và đến hơn 20 vị nữa.

Theo xuống, các vị Đại-lý các chi hội, chư hậu Hà-thành và địa-phương đều ngồi trật ních cả. Ngoài ra các hội viên Tăng-ni Thiện-tín ở Hanoi nhường chỗ cho Hội-viên xa, đều đứng ngoài chỗ nào cũng đông như nêm.

Trước Phật-điện, hương-hoa sức nức, vàng son trời-lội cùng với ánh sáng đèn điện, ánh sáng nến, cùng trập trùng lóng lánh choáng lộn cả mắt người trông. Dưới mấy cái bảo cái lớn, những giải phướn ngũ sắc phát phời bay. Mấy nghìn người đủ các phái đệ-tử đều ngồi im phăng phắc để tinh-niệm công đức Phật tổ trước giờ nghe diễu giăng. Rút một hồi chuông êm ái từ-bi, Hòa-thượng Trung hậu Chánh Giám viện đứng lên cảm ơn Cụ Võ hiền đã phát tâm vì Phật pháp đến dự lễ Phật-đản và diễu giăng cho giáo hữu về việc khởi công làm

Hội quán Trung ương hôm nay. Người có bài chức từ do sư ông Tố liên đọc thay. Sư ông đọc trước máy thanh, tiếng ráo riệt cảm kích lắm. Đại ý nói: Hội Bắc kỳ Phật giáo vừa thành cơ sở thì may được dịp Hoàng tướng công về dưỡng lão. Ngài hứa sẽ đem thi giờ nhân đôi giúp cho hội Phật giáo về mọi việc binh thức và tinh thần. Thực là một cơ duyên hi-hữu cho đạo Phật xứ ta hồi chấn hưng này. Đoàn, Cụ lớn Võ hiền lên diễn đàn, đại khái Ngài nói: Ngài rất lấy làm có hi-vọng lớn cho tiền đồ hội chấn hưng Phật giáo Bắc kỳ, vì ngài đã đề ý xem xét công việc của hội làm trong ba năm nay. Công việc chấn hưng có hai phương diện là tinh thần và hình thức đều phải tiến hành đều nhau mới được. Về tinh thần. Ngài đã xét thấy các vị Tăng - đồ, cư sĩ và ban trị sự, trong ba năm nay mở ra nào ban khảo-cửu, nào ra báo, in sách, nào cải cách nghi lễ, nào diễn-giảng khắp từ Trung-ương đến các địa-phương, chăm chỉ đem những giáo-lý chân-chính và thiết thực với đời người mà khuyến-hóa cho nhân tâm thế-đạo. Như thế kể cũng đã gần đủ có cơ quan để làm về việc tinh-thần rồi vậy. Còn về hình-thức tức là việc trụ lập chùa hội-quán Trung-ương Hanoi đây, chính cũng lại là một sự cần-thiết không thể trì-hoãn được. Vì có hình-thức xứng đáng thì cái tinh-thần hoạt-bát kia mới có chỗ sở y. Vậy ngôi chùa Trung-ương hội-quán mà hội Phật-giáo sẽ dựng lên ở đất cổ-đô văn vật đây là một nơi đại-biểu cho nền tôn-giáo cả nước, một nơi cơ-quan tổng bộ chung của một giáo-hội lớn như hội Phật-giáo, cho hội-viên toàn xứ tới lui, lẽ tất nhiên là phải trú cho có cái thể-thế xứng-đáng. Cho nên hội định một dự-khoản cho ngôi chùa mới ấy là 10 Vạn đồng là phải. Cứ tinh-thế kinh-lễ xứ ta hiện nay đối với một khoản tiền 10 vạn, kể cũng là to thực, nhưng đem so với những nhà giáo-dưỡng các nước mà Ngài đã từng trông thấy thì chưa thấm vào đâu. Phạm việc đã quyết thì làm, đã làm thì phải làm ngay. Có làm thì các nhà phúc thiện, các giáo-hữu người ta trông thấy mà phát tâm vào. Phải lập ra ban Đốc-công có tăng với tại gia cùng giúp việc. Việc thu chi phải cho rất minh-bạch để người ta tin cậy và vững lòng

phát tâm. Thì thu được bao nhiêu cũng cứ làm, do phần quan-yếu trước mà tiến-hành cho đến hoàn-thành. Còn về phần Ngai, Ngai nói nay Ngai đã về dưỡng-nhàn có nhiều thì giờ, Ngai xin đến đôn-đốc vào việc làm chùa luôn luôn, Ngai sẽ hết lòng giúp vào việc công-đức lớn lao này cho thành tựu. Lời Cụ lớn Võ-Hiền nói trước mấy truyền thanh, veng ra rõ ràng và khoan-thai, rất khoát từng tiếng, người đứng ngoài cũng đều nghe hiểu, đều hoan-hỉ cái ý-khiến quả-quyết của Ngai.

Nói xong Ngai bắt đầu đề cúng 500\$, Cụ lớn Chánh Hội-trưởng lại giở các bức họa đồ kiểu chùa trình Cụ lớn Võ-Hiền và đề các giáo-hữu xem. Cụ Chánh Hội-trưởng lại đọc lời văn phả-khuyến ở quyền sở phả khuyến sẽ phát đi đề công chúng thêm sức lòng về việc phúc.

Việc diễn-giảng đến đây là cứu - kính, Cụ Chánh Hội-trưởng giới thiệu và trình với Cụ lớn Võ-Hiền, quan khách, giáo-hữu biết ông chủ Hào, một vị Hoa-thương chủ hiệu Đồng-lợi khách-sạn Hanoi có cúng cho hội một ngôi chùa lớn có đủ tam-quan tiền-đường, hành-lang, nhà thờ, ở ngoài cửa ở về phía chùa Tú uyên, mà chùa sở còn tốt đẹp cả. Quan khách giáo-hữu đều tán-thán công-đức.

LỄ TAM QUI CỦA CỤ CHÁNH HỘI-TRƯỞNG VÀ CÁC GIÁO-HỮU (Một nghi-văn mới)

Đúng 8 giờ tối ngày mồng 8 tháng tư, sau lễ Phật-dẫn, Cụ Chánh Hội-trưởng-Hiệp-tá Nguyễn-văn-Quốc, hiệu Vi Khanh cùng giáo-hữu nam nữ đều đã ngồi chỉnh-tề hai hàng ghế trước qui đàn của Phật-điện. Ai nấy đều tith-niệm công-đức Đức Như-lai và đợi giờ hành lễ. Lễ tam-qui này do các vị Đại-đức ban Đạo-sư của hội mới xửa định cho hợp với tư-tưởng tiến-hóa ngày nay của công-chúng. Nghĩa là lấy cái ý nghĩa tự-nguyện qui-y của người chịu lễ mà đề cho người chịu lễ tự xưng đọc lấy lời nguyện-qui của mình chứ không phải đọc theo lời truyền-khẩu như mọi khi. Lại theo cái nghĩa tâm kính nhưng

người, chịu lễ mỗi khi lễ Phật chỉ đứng lên, cúi đầu cháp tay vái (xá) biểu thị cách rất kính cần là đủ. Nên nhiều ông mặc áo-phục cũng ngồi hành lễ được. Rút hồi chuông trên thượng điện, tăng chúng rước chư Đại-đức ở nhà Tồ lên, đi một hàng dài đến hơn 30 vị vừa Thượng-tọa vừa chư Tăng Tăng chúng vào làm lễ Phật trước Tam-bảo thì ngoài đàn qui, qui-y-chúng đều đứng lên hành lễ vái theo. Lễ Phật xong Tăng-chúng ra qui đàn, 20 vị Đại-đức và thượng tọa chia ngồi hai dãy ghế về hai phía đông tây qui-đàn cùng đối diện nhau để chứng giám. Bảy giờ Cụ Chánh Hội-trưởng đứng lên bạch với chư vị Đại-đức xin lên đàn nói mấy lời về ý-nghĩa lễ tam-qui để giáo-hữu nghe và nói bản-nguyện Người đối với lễ qui hôm nay. (Bài diễn văn ấy xin đăng kỳ sau).

Diễn thuyết xong, Cụ Vi-khanh lui về nguyên-vị. Vì đại-biểu cho đồng-ban lễ qui, nên trước mặt Cụ Vi-khanh có đặt cái án nhỏ để quyền khóa lễ và tập danh hiệu quy-y chúng. Bắt đầu một vị tăng thượng-tọa là Cụ Cồn cầm hiệu kiềng và xướng lễ : « Quy-y đệ tử các bình thân hợp trường niệm Phật ». Qui-y chúng đều đứng lên trấp tay niệm bālān : « Nam-mô bản-sư Thích-camâu-nỳ Phật. Rồi từ đây mỗi tuần đều có xướng trước cả. Cụ Vi-khanh thay mặt cho quy-y-chúng đọc những lời nguyện-quy, xám hồi theo trong khóa lễ mới đã định, đều bằng chữ Nho và giản-dị độ trong hai tờ giấy viết. Mỗi lễ phải vái thì quy-y chúng lại vái theo. Kể đến một vị Trì-khâu đọc số đủ danh-hiệu những người quy-y một lần nữa thì hồi-hương. Bảy giờ các Đại-đức chư-tăng-chúng mới niệm Phật đọc chú để chứng-minh thành lễ. Giáo-hữu đến lễ đông lắm, hôm ấy tiết trời bức bối quá mà thiện-tin già trẻ đứng xúm xít đông không kém gì cuộc diễn-giảng buổi chiều. Xem lễ thấy có những ý-nghĩa mới và nghi-vấn giản-dị ấy, các giáo-hữu đều lấy làm vui mừng rằng : Hội Phật-giáo biết cùng với trào lưu tiến hóa của thế-giới mà chậm-trước đổi mới dần dần mọi việc. Thực là đã hầu được tinh thần tùy duyên hành giáo của Đức Phật mà bỏ những quan-niệm cố-trấp hình-thức xưa kia đi.

Việc làm chùa Hội-quán Trung ương

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên bản hội đồng Quan trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin dâng phưong danh các vị hội viên chi hội Kiến thủy đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tin, thập-phương chứng giám.

Các ngài : Nguyễn đăng Viên dit Hồng lâm, Ngô thị Kính tức Mme Durant, Bùi thị Đức, Vũ thị Bảo, Nông man Thiên, Lê văn Lân, Nguyễn thị Thân, Vũ thị Chừ, Nguyễn phú Nhâm, Nguyễn thị, Chu thị Thảo, Nguyễn thị Hiền, Nguyễn doãn Đôn, Thái văn Nhu, Trần thị Môi, Nguyễn thị Bích, Hoàng phươg Rực, Nguyễn văn Cửu, Vũ duy Liệu, Nguyễn thị Cao, Vũ đình Thiệu, Nguyễn thị Tuyết, Nguyễn thị Kha, Nguyễn văn Tòng, Vũ thị Đoan, Nguyễn trọng Lan, Lê văn Tín, Nguyễn thị Lan, Nguyễn văn Tai, Đặng văn Tậu, Phạm văn Chung, Lê văn Phung, Nguyễn văn Mai, Trần thị Côi, Nguyễn thị Hịch, Mai hữu Vãn, Chu thị Thu, Phùng trào Ky, Phạm trọng Uân, Nguyễn thị Yến, Lê văn Minh, Nguyễn văn Cổ, Trần đình Tín.

Các vị Tăng Ni

Sư cụ Nguyễn ngọc Đoan, Sư cụ Trần thanh Tiếp, Sư cụ Hà vinh Kháob, Sư cụ Tạ văn Chiện, Sư ni Tự đàm Kiên, Sư ni Tự đàm Liệu, Sư ni Tự đàm Kiên, Sư ni Tự đàm Hợp, Sư cụ Nguyễn duy Chiêm, Sư cụ Nguyễn văn Thương, Sư cụ Nguyễn văn Xuân, Sư cụ Trịnh công Tịch, Sư cụ Bùi hữu Cảnh, Sư ni Tự đàm Thiêm, Sư cụ Tự tâm Kiên, Sư cụ Tự Nguyên Ân, Sư cụ Tự tâm Thịnh.

Công đức làm chùa

(1-4-38) Vô danh

2\$00

GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-bà-ấp

Số 832 : Nhà in Đức-tuệ chùa Quán-Sứ 73 Richaud Hanoi

HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Đỗ đôn Thơ dit Tinh Thiện Lagi à Phan thiết	2.00
Nguyễn văn Nhung à Thủ đầu một	1.50
Nguyễn Kiện à Pleiku (annam)	0.80
Nguyễn lãng Sanh à Haiduong	1.50
Huỳnh thị Đăng à Mytho	0.50
Phạm văn Hai à Thủ đầu một	1.50
Lê thiện Ngôn à Travinh	2.00
Nguyễn văn Kiên à Travinh	1.00
Nguyễn văn Chuy à Tuyên quang	1.50
Trần quang Đông à Hué	1.50
Trần văn Ngộ. Lấp vò à Long xuyên	1.50
Nguyễn văn Đầy, Long xuyên	1.50

M. Nguyễn văn Kiên à Travinh — Báo của ngài mua từ 1-1-37 đến 1-5-38 (1.58) mới trả 1.00, còn thiếu 0.58

M. Phạm ngọc Lan à Hanam — Thơ trước của ngài bản báo không tiếp được

Cô Năm, Đông lai tự à Rạch giá. — 2 bộ luật đó, tiếc vì chúng tôi chưa xuất bản, nên chưa thể gửi vào được.

Mandat của ai ?

Bản báo có tiếp được chiếc mandat 1.50 ở Haiduong N° 177, série 023,552 mà không thấy có thơ kèm theo. Vậy ngài nào gửi chiếc mandat ấy làm ơn cho biết quý danh và địa chỉ để tiện việc sổ sách. Cảm ơn. Đ. T.

KÍNH CAO CÁC NGÀI HỘI VIÊN HỘI

PHẬT-GIÁO HANOI

Chiều theo nội lệ của Hội, khi một vị Hội viên nào về châu Phật, hội có cử ba vị tặng và Bản Hộ niệm đi tiếp dẫn, nhưng nên nhớ cho rằng :

1. — Giấy cáo phó nên cho hội biết 24 giờ đồng hồ trước khi cất đám mới có đủ thì giờ mời các hội viên đi đưa.

2. — Xin đệ cho hội cái các (Carte de membre) và cái biên lai nộp tiền vào hội của vị hội viên quá cố.

3. — Hội đã có in một thứ giấy riêng để cho tang gia dùng về việc cáo phó cho hội. Xin cứ cứ đến chùa Hội quán hỏi mà lấy về dùng cho tiện.